

KẾT LUẬN THANH TRA

Trách nhiệm việc thực hiện công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14/11/2022; Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra;

Thực hiện Công văn số 6601/UBND-NC, ngày 26/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc chỉ đạo thực hiện thanh tra chuyên đề việc thực hiện công vụ của cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh và Công văn số 1324/TTT-NV1, ngày 30/12/2023 của Chánh Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi về thanh tra chuyên đề thực hiện công vụ của cán bộ, công chức; ngày 16/01/2024, Chánh Thanh tra huyện Mộ Đức đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-TTH về thanh tra trách nhiệm việc thực hiện công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp tại phòng TC-KH, phòng KT&HT huyện và UBND các xã: Đức Chánh, Đức Nhuận.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 01/BC-ĐTT02 ngày 08/3/2024 của Trưởng Đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra huyện kết luận và kiến nghị như sau:

A. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CHUNG

Trong những năm qua, các đơn vị được thanh tra luôn quán triệt đến từng cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, UBND huyện liên quan đến việc thực hiện công vụ trong việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp.

Các đơn vị đã nghiêm túc chấp hành các quy định trong việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH VÀ KẾT LUẬN CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC THANH TRA

I. Việc thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp

1. Việc lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành, triển khai thực hiện các quy định của Nhà nước, của đơn vị về trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp.

Các đơn vị được thanh tra đã thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của UBND huyện và các ban, ngành liên quan, nhằm triển khai thực hiện tốt quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức trong giải quyết TTHC, DVHCC cho tổ chức và cá nhân trong thời kỳ thanh tra. Nâng cao được ý thức, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, xem việc giải quyết TTHC, DVHCC cho tổ chức và cá nhân là nhiệm vụ trọng

tâm, xuyên suốt, như: đã thực hiện tốt công tác phân công công chức tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa huyện để tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; thực hiện tốt niêm yết công khai các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực ngành theo đúng quy định và thực hiện niêm yết công khai TTHC bằng hình thức bản giấy và niêm yết công khai thông báo tiếp nhận PA, KN của tổ chức, cá nhân; thực hiện tốt công tác tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính và việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến.

Như vậy, trong thời kỳ thanh tra các đơn vị được thanh tra đã triển khai thực hiện tốt các quy định của Nhà nước về trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp.

2. Việc kiểm soát, kiến nghị, ban hành theo thẩm quyền để loại bỏ hoặc chỉnh sửa thủ tục hành chính không phù hợp, phức tạp, phiền hà; bổ sung TTHC cần thiết, đáp ứng nhu cầu thực tế.

Thực hiện chỉ đạo của UBND huyện về việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn huyện qua các năm, các cơ quan, đơn vị được thanh tra, đã tổ chức thực hiện rà soát, gửi kết quả rà soát về UBND huyện, để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kịp thời, đảm bảo quy định. Qua rà soát, không có kiến nghị về bãi bỏ, chỉnh sửa thủ tục hành chính.

3. Việc tổ chức vận hành bộ phận một cửa và việc thực hiện cơ chế Một cửa liên thông

3.1. Đối với phòng TC-KH huyện và phòng KT&HT huyện: Đã thực hiện tốt việc phân công công chức tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa huyện để tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định.

3.2. Đối với UBND xã Đức Nhuận:

*** Kết quả kiểm tra:**

- UBND xã Đức Nhuận có bố trí khu vực riêng cho Bộ phận Một cửa.
- Trang thiết bị, phương tiện làm việc tại Bộ phận Một cửa: Bố trí các trang thiết bị tương đối đầy đủ bảo đảm để phục vụ cho các bộ phận chuyên môn làm việc tại Bộ phận một cửa xã, đáp ứng nhu cầu của công dân, tổ chức đến thực hiện TTHC.
- Người làm việc tại Bộ phận Một cửa: UBND xã Đức Nhuận đã phân công công chức làm việc thường xuyên tại Bộ phận Một cửa để thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC cho công dân và tổ chức.
- UBND xã Đức Nhuận chưa triển khai Bộ nhận diện thương hiệu tại Bộ phận Một cửa.

- Qua thanh tra cho thấy, UBND xã Đức Nhuận đã bố trí tương đối đầy đủ trang thiết bị và phân công công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa để thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho công dân và tổ chức.

*** Kết luận về sai sót:** UBND xã Đức Nhuận chưa triển khai Bộ nhận diện thương hiệu tại Bộ phận Một cửa là không thực hiện theo Công văn số 1844/UBND-

TTHC ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh về việc tổ chức, triển khai thực hiện bộ nhận diện thương hiệu và Công văn số 55/UBND-TTHC ngày 15/01/2023 của UBND huyện về việc cải cách hành chính trên địa bàn huyện.

3.3. Đối với UBND xã Đức Chánh:

* **Kết quả kiểm tra:**

- UBND xã Đức Chánh căn cứ Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh để ban hành Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong hoạt động thủ tục hành chính trên địa bàn xã Đức Chánh.

- UBND xã Đức Chánh có triển khai Bộ nhận diện thương hiệu tại Bộ phận Một cửa nhưng việc bố trí bộ nhận diện thương hiệu tại Bộ phận Một cửa chưa phù hợp, chưa đảm bảo quy định về tên và kích thước.

- UBND xã Đức Chánh có bố trí khu vực riêng cho Bộ phận Một cửa.

- Trang thiết bị, phương tiện làm việc tại Bộ phận Một cửa: Bố trí các trang thiết bị tương đối đầy đủ bảo đảm để phục vụ cho các bộ phận chuyên môn làm việc tại Bộ phận một cửa xã, đáp ứng nhu cầu của công dân, tổ chức đến thực hiện TTHC.

- Người làm việc tại Bộ phận Một cửa: UBND xã Đức Chánh đã phân công công chức làm việc thường xuyên tại Bộ phận Một cửa để thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC cho công dân và tổ chức.

- Qua thanh tra cho thấy, UBND xã Đức Chánh đã bố trí tương đối đầy đủ trang thiết bị và phân công công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa để thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho công dân và tổ chức.

* **Kết luận về sai sót:** Việc UBND xã Đức Chánh lấy Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh làm căn cứ để ban hành Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 về Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong hoạt động thủ tục hành chính trên địa bàn xã Đức Chánh là không đúng vì: Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh là văn bản quy phạm pháp luật nhưng UBND xã Đức Chánh áp dụng để ban hành văn bản cá biệt, sử dụng toàn bộ lời văn bản quy phạm pháp luật cho văn bản cá biệt. Đồng thời, Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành để cho các cơ quan, đơn vị và địa phương trên bàn tỉnh áp dụng chung để triển khai thực hiện; nên việc UBND xã Đức Chánh ban hành Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 là không cần thiết. Như vậy, việc UBND xã Đức Chánh ban hành Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 là không đúng quy định. Theo giải trình của UBND xã Đức Chánh tại Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 01/3/2024 thì ngày 30/6/2023 UBND xã Đức Chánh đã ban hành Quyết định số 127/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 08/12/2022.

4. Việc công bố, công khai thủ tục hành chính; việc thực hiện công khai, minh bạch quá trình giải quyết; việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính

4.1. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện và phòng KT-HT huyện: Đã thực hiện tốt nhiệm vụ công khai các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực ngành theo đúng quy định và thực hiện nhiệm vụ công khai TTHC bằng hình thức bản giấy và nhiệm vụ công khai thông báo tiếp nhận PA, KN của tổ chức, cá nhân tại phòng. Phòng TC-KH huyện và phòng KT&HT huyện cũng đã thực hiện tốt Quy trình giải quyết TTHC với công dân và đánh giá mức độ hài lòng khi giải quyết TTHC. Đồng thời, đã ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong quy trình tiếp nhận, giải quyết TTHC: Cập nhật, xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Qua thanh tra nhận thấy, phòng Tài chính - Kế hoạch huyện và phòng KT-HT huyện đã thực hiện tốt nhiệm vụ công khai các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực ngành theo đúng quy định.

4.2. Đối với UBND xã Đức Nhuận

4.2.1. Kết quả kiểm tra:

a) Về nhiệm vụ TTHC: UBND xã triển khai nhiệm vụ, tra cứu TTHC thông qua các hình thức: Bảng niêm yết tại Bộ phận Một cửa và bố trí 01 máy tính phục vụ công dân, tổ chức tra cứu TTHC trên phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

- Việc niêm yết TTHC tại Bộ phận Một cửa của xã chưa khoa học, chưa cập nhật kịp thời các Quyết định công bố mới ban hành của UBND tỉnh như: Lĩnh vực hộ tịch Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 21/4/2023; lĩnh vực môi trường Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 (*Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, Danh mục thủ tục hành chính thay thế, Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính...*); lĩnh vực trẻ em và phòng chống, tệ nạn xã hội (Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 06/7/2022); lĩnh vực người có công (các Quyết định số: 1351/QĐ-UBND ngày 04/10/2022, quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 23/5/2023); lĩnh vực bảo trợ xã hội (quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 21/9/2022, quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 22/3/2023); Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 14/6/2023, Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 24/11/2022.

- Về công khai thủ tục hành chính trên trang thông tin điện tử của xã: Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền UBND cấp xã đã được UBND tỉnh công bố 174 thủ tục hành chính, nhưng trên trang thông tin điện tử của xã công khai 61 thủ tục.

b) Về niêm yết bảng Thông báo về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị: Có thực hiện niêm yết bảng Thông báo tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị tại Trụ sở UBND xã, nhưng chưa công khai trên trang thông tin điện tử của xã.

c) Số hóa thành phần hồ sơ và số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Tổng số hồ sơ tiếp nhận từ 15/6/2021 đến 30/11/2023 là 6925 hồ sơ, trong đó: số

hóa thành phần hồ sơ 2983g đạt 43,06%, hồ sơ chưa số hóa 3942; hồ sơ đã giải quyết 6853, hồ sơ đã số hóa kết quả giải quyết 2034 đạt 29,68%, hồ sơ chưa số hóa kết quả giải quyết 4819. Việc số hóa thành phần hồ sơ và kết quả giải quyết tỷ lệ đạt thấp.

d) Quy trình giải quyết TTHC với công dân trong trường hợp hồ sơ trễ hẹn, bổ sung hồ sơ, trả hồ sơ; đánh giá mức độ hài lòng khi giải quyết TTHC.

- Trong quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, Bộ phận Một cửa chưa sử dụng đầy đủ các biểu mẫu được quy định tại Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh về việc quy định sử dụng biểu mẫu trong quy trình giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh.

- UBND xã không thực hiện đánh giá hài lòng năm 2021 và năm 2022. Năm 2023, UBND xã đã thực hiện việc đánh giá mức độ hài lòng sau khi công dân, tổ chức nhận kết quả TTHC (thông qua phiếu đánh giá 102 phiếu).

e) Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình giải quyết TTHC: Cập nhật, xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; thực hiện dịch vụ công trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (Các văn bản triển khai thực hiện; Hồ sơ điện tử tiếp nhận, kết quả giải quyết TTHC trên hệ thống; Danh mục tiếp nhận, giải quyết TTHC trên môi trường điện tử):

Thực hiện cập nhật, xử lý dữ liệu hồ sơ trên phần mềm: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại Bộ phận Một cửa của UBND xã thực hiện tương đối đầy đủ.

4.2.2. Qua thanh tra cho thấy, UBND xã Đức Nhuận đã thực hiện việc niêm yết, công khai thủ tục hành chính; niêm yết công khai, minh bạch quá trình giải quyết; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện tương đối đầy đủ việc cập nhật, xử lý dữ liệu hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

4.2.3. Kết luận về các sai sót: UBND xã Đức Nhuận niêm yết TTHC tại Bộ phận Một cửa của xã chưa khoa học; việc đăng tải, công khai TTHC trên trang thông tin điện tử xã chưa đầy đủ; chưa cập nhật kịp thời các Quyết định công bố mới ban hành của UBND tỉnh làm ảnh hưởng đến việc theo dõi, liên hệ công việc của người dân và doanh nghiệp.

4.3. Đối với UBND xã Đức Chánh

4.3.1. Kết quả kiểm tra

a) Về niêm yết TTHC: UBND xã triển khai niêm yết, tra cứu TTHC thông qua các hình thức: Bảng niêm yết tại Bộ phận Một cửa và bố trí 01 máy tính phục vụ công dân, tổ chức tra cứu TTHC trên phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

- Việc niêm yết TTHC tại Bộ phận Một cửa của xã đã cập nhật các Quyết định công bố ban hành của UBND tỉnh như: Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 21/11/2021; Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 07/07/2021; Quyết định số 1469 ngày 26/10/2022; Quyết định số 1825/QĐ-UBND ngày 18/11/2021; Quyết định số 972/QĐ-UBND ngày 29/6/2023; Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 14/6/2023.

Chưa niêm yết các Quyết định: Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 21/4/2022; lĩnh vực trẻ em và phòng chống, tệ nạn xã hội (Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 06/7/2022); lĩnh vực người có công (các Quyết định số: 1351/QĐ-UBND ngày 04/10/2022, 789/QĐ-UBND ngày 23/5/2023); lĩnh vực bảo trợ xã hội (Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 21/9/2022); 363/QĐ-UBND ngày 22/3/2023, Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 24/11/2022.

- Về công khai thủ tục hành chính trên trang thông tin điện tử của xã: UBND xã Đức Chánh đã liên kết và công khai 174 TTHC thuộc thẩm quyền UBND cấp xã đã được UBND tỉnh công bố.

b) Về niêm yết bảng Thông báo về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị: Có thực hiện niêm yết bảng Thông báo tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị tại Trụ sở UBND xã và công khai trên trang thông tin điện tử của xã.

c) Về số hóa thành phần hồ sơ và số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Tổng số hồ sơ tiếp nhận từ 15/6/2021 đến 30/11/2023 là 6500 hồ sơ, trong đó: số hóa thành phần hồ sơ 1363 đạt 20,97%, hồ sơ chưa số hóa 5137; hồ sơ đã giải quyết 6422, hồ sơ đã số hóa kết quả giải quyết 835 đạt 13%, hồ sơ chưa số hóa kết quả giải quyết 5587. Việc số hóa thành phần hồ sơ và kết quả giải quyết tỷ lệ đạt thấp.

d) Quy trình giải quyết TTHC đối với công dân trong trường hợp hồ sơ thiếu, bổ sung hồ sơ, trả hồ sơ; đánh giá mức độ hài lòng khi giải quyết TTHC

- Trong quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, Bộ phận Một cửa của xã chưa sử dụng đầy đủ các biểu mẫu được quy định tại Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh về việc quy định sử dụng biểu mẫu trong quy trình giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh.

- UBND xã không thực hiện đánh giá hài lòng năm 2021. Năm 2022, 2023 UBND xã đã thực hiện việc đánh giá mức độ hài lòng sau khi công dân, tổ chức nhận kết quả TTHC (*thông qua phiếu đánh giá 317 phiếu*).

e) Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình giải quyết TTHC: Cập nhật, xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (*Các văn bản triển khai thực hiện; Hồ sơ điện tử tiếp nhận, kết quả giải quyết TTHC trên hệ thống; Danh mục tiếp nhận, giải quyết TTHC trên môi trường điện tử*):

- Thực hiện cập nhật, xử lý dữ liệu hồ sơ trên phần mềm: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại Bộ phận Một cửa của UBND xã thực hiện tương đối đầy đủ.

- Về thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến qua Cổng Dịch vụ quốc gia: Thực hiện tốt việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trực tuyến tại Bộ phận Một cửa xã trong lĩnh vực Hộ tịch, chứng thực (*1324/6493 hồ sơ, đạt tỷ lệ 20,40%*).

4.3.2. Qua thanh tra cho thấy: UBND xã Đức Chánh đã thực hiện việc niêm yết, công khai thủ tục hành chính; niêm yết công khai, minh bạch quá trình giải quyết; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện tương

đôi đầy đủ việc cập nhật, xử lý dữ liệu hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

4.2.3. Kết luận về các sai sót: UBND xã Đức Chánh niêm yết TTHC tại Bộ phận Một cửa của xã, nhưng chưa cập nhật kịp thời các Quyết định công bố mới ban hành của UBND tỉnh (Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 21/4/2022; lĩnh vực trẻ em và phòng chống, tệ nạn xã hội (Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 06/7/2022); lĩnh vực người có công (các Quyết định số: 1351/QĐ-UBND ngày 04/10/2022, 789/QĐ-UBND ngày 23/5/2023); lĩnh vực bảo trợ xã hội (Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 21/9/2022); 363/QĐ-UBND ngày 22/3/2023, Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 24/11/2022) ảnh hưởng đến việc theo dõi, liên hệ công việc của người dân và doanh nghiệp. Việc bố trí Bộ nhận diện thương hiệu một cửa chưa phù tại Bộ phận Một cửa, thiếu khẩu hiệu (hành chính phục vụ).

5. Việc kiểm tra, đôn đốc, xử lý đối với cán bộ, công chức trong việc giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho cá nhân, tổ chức

- Trong thời kỳ thanh tra, phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, phòng KT&HT huyện, UBND xã Đức Chánh không tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện tốt việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- Đối với UBND xã Đức Nhuận trong thời kỳ thanh tra tiếp nhận 01 phản ánh, kiến nghị của người dân về nộp hồ sơ trực tuyến trên cổng dịch vụ công Quốc gia với thủ tục đăng ký kết hôn, nhưng quá thời gian quy định tiếp nhận hồ sơ mà UBND xã Đức Nhuận chưa xử lý. Vấn đề này, Văn phòng UBND tỉnh đã theo dõi và tổng hợp, chuyển nội dung phản ánh trên đến UBND huyện để chỉ đạo UBND xã Đức Nhuận giải quyết theo thẩm quyền. Theo đó, UBND xã Đức Nhuận đã xử lý, có văn bản trả lời phản ánh, kiến nghị của công dân và đăng tải trên trang thông tin điện tử của xã theo quy định.

6. Việc thực hiện không yêu cầu người dân xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến theo quy định

6.1. Phòng TC-KH huyện và phòng KT&HT huyện: Trong thời kỳ thanh tra, khi thực hiện tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính cán bộ công chức của các phòng không yêu cầu tổ chức, cá nhân xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, CCCD khi thực hiện tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến.

6.2. UBND xã Đức Nhuận: Đoàn Thanh tra kiểm tra ngẫu nhiên 10 hồ sơ lĩnh vực bảo trợ xã hội thì có 03 hồ sơ thu thêm CCCD (ông Phạm Yến, bà Trịnh Thị Lan, ông Trần Lại) và hồ sơ lĩnh vực hộ tịch có 03 hồ sơ thu thêm bản photo Sổ hộ khẩu trong hồ sơ cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân năm 2023 (bao gồm số 182, 173, 169), nhận thấy UBND xã thực hiện chưa tốt việc khai thác thông tin cư trú công dân trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thay cho sổ hộ khẩu, sổ tạm trú trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC cho công dân, tổ chức.

6.3. *UBND xã Đức Chánh*: Qua kiểm tra 10 hồ sơ lĩnh vực bảo trợ xã hội, nhận thấy UBND xã thực hiện tốt việc khai thác thông tin cư trú công dân trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thay cho sổ hộ khẩu, sổ tạm trú trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC cho công dân, tổ chức

II. Thanh tra việc giải quyết thủ tục hành chính

1. Đối với phòng TC-KH huyện

1.1. Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho cá nhân, tổ chức trong thời kỳ thanh tra.

Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 1.011 hồ sơ (trong đó: Số lượng hồ sơ tiếp nhận trực tiếp là 460 hồ sơ và hồ sơ nộp trực tuyến là 551 hồ sơ); số tiếp nhận trước ngày 15/6/2021 chuyển qua: 0 hồ sơ; số tiếp nhận trong thời kỳ thanh tra: 1.011 hồ sơ. Trong đó:

- Hồ sơ giải quyết đúng hạn: 352 hồ sơ.
- Hồ sơ giải quyết trước hạn: 659 hồ sơ.
- Tổng số hồ sơ từ chối giải quyết: 0.
- Tổng số hồ sơ giải quyết quá hạn: 0.
- Tổng số hồ sơ đang giải quyết tại thời điểm 30/11/2023: 0.

1.2. Việc thực hiện trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức trong việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho cá nhân, tổ chức.

- Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh

+ Theo hồ sơ lưu trữ thì từ 15/6/2021 đến 01/7/2023 mẫu Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh được thực hiện theo mẫu quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

+ Từ 01/07/2023 đến 30/11/2023 mẫu Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh được thực hiện theo mẫu quy định tại Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

+ Kiểm tra 100 hồ sơ ngẫu nhiên thực hiện thủ tục hành chính đăng ký thành lập hộ kinh doanh, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, đăng ký tạm ngừng kinh doanh, đăng ký chấm dứt hộ kinh doanh, đăng ký cấp lại giấy chứng nhận hộ kinh doanh từ ngày 15/6/2021-30/11/2023: Tất cả hồ sơ đều được tiếp nhận tại bộ phận một cửa, có phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, có giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; hồ sơ đảm bảo theo quy định, hồ sơ giải quyết trước thời hạn và đúng thời hạn, không có hồ sơ trễ hạn.

- Hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã: Đoàn Thanh tra kiểm tra ngẫu nhiên 04 hồ sơ đăng ký thành lập 04 hợp tác xã được lưu tại phòng TC-KH huyện, qua kiểm tra hồ sơ đảm bảo theo quy định.

Như vậy, phòng Tài chính - Kế hoạch huyện đã thực hiện tốt việc tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính đối với thủ tục hành chính về đăng ký thành lập hộ kinh doanh cho tổ chức, cá nhân đảm bảo quy định, đem lại sự hài lòng cho người dân. Đồng thời, được UBND tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh đánh giá cao và

đề nghị UBND huyện khen thưởng đối với công chức thực hiện tiếp nhận và xử lý hồ sơ của thủ tục hành chính này trên thiết bị di động, trên cổng dịch vụ công quốc gia, thanh toán trực tuyến.

2. Đối với phòng KT&HT huyện

2.1. Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho cá nhân, tổ chức trong thời kỳ thanh tra.

Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong thời kỳ thanh tra (từ 15/6/2021 đến 30/11/2023) là 266 hồ sơ, trong đó số lượng hồ sơ tiếp nhận trực tiếp là 258 hồ sơ và trực tuyến là 8 hồ sơ; số tiếp nhận trước ngày 15/6/2021 chuyển qua: không có. Trong đó:

- Giải quyết đúng hạn là 97 hồ sơ; giải quyết trước hạn là 161 hồ sơ.
- + Hồ sơ từ chối giải quyết: 0 hồ sơ.
- + Hồ sơ giải quyết quá hạn: 09 hồ sơ.
- + Hồ sơ đang giải quyết tại thời điểm 30/11/2023: 0 hồ sơ.

2.2. Việc thực hiện trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức trong việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho cá nhân, tổ chức.

Đoàn Thanh tra đã kiểm tra thực tế ngẫu nhiên 30 hồ sơ lưu tại phòng và kiểm tra trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh về giải quyết thủ tục hành chính của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện (việc tiếp nhận hồ sơ, hồ sơ giải quyết đúng hạn, hồ sơ từ chối giải quyết, hồ sơ đang giải quyết), thì phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện đã thực hiện tốt, đảm bảo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, có 09 hồ sơ trễ hạn trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và qua kiểm tra thực tế 09 hồ sơ này, thấy: Việc trễ hạn trên hệ thống do công chức xử lý hồ sơ chậm trễ trong việc kết thúc xử lý trên phần mềm.

Qua thanh tra cho thấy, phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân đảm bảo theo quy định (về tiếp nhận, hướng dẫn công dân thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến, không thu thêm CCCD, sổ hộ khẩu), nhưng công chức xử lý hồ sơ trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh chưa kết thúc đảm bảo theo quy trình xử lý, dẫn đến việc chậm trễ trong kết thúc xử lý trên phần mềm.

Như vậy, phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện đã thực hiện tốt việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân, đem lại sự hài lòng cho tổ chức và công dân.

3. Đối với UBND xã Đức Nhuận

3.1. Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho cá nhân, tổ chức trong thời kỳ thanh tra.

Kết quả tiếp nhận và giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa xã từ ngày 15/6/2021 đến ngày 30/11/2023 (theo Báo cáo số 16/BC-UBND ngày 23/01/2024), tổng số hồ sơ tiếp nhận **17.306**, cụ thể: Lĩnh vực hộ tịch 3.365 hồ sơ, lĩnh vực chứng thực 13.726 hồ sơ, lĩnh vực bảo trợ 190 hồ sơ; lĩnh vực người có công 25 hồ sơ.

- Theo Báo cáo số 16/BC-UBND ngày 23/01/2024 của UBND xã Đức Nhuận thì trong thời kỳ thanh tra số hồ sơ trễ hạn là 04 hồ sơ.

- Qua kiểm tra thực tế trên **hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh**, việc giải quyết trễ hạn 674 hồ sơ, trong đó:

+ Năm 2021: 14 hồ sơ trễ hạn lĩnh vực chứng thực;

+ Năm 2022: 608 hồ sơ trễ hạn lĩnh vực chứng thực;

+ Năm 2023: 52 hồ sơ trễ hạn thủ tục mai táng phí, đăng ký khai sinh, xác nhận tình trạng hôn nhân.

Nguyên nhân trễ hạn: Xuất phát từ nguyên nhân do công chức chuyên môn của UBND xã chậm trễ trong việc kết thúc xử lý trên phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Tuy nhiên, kiểm tra 06 hồ của lĩnh vực hộ tịch có 01 hồ sơ của trường hợp bà Ngô Thị Kim Luyến đề nghị cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Theo quy định thủ tục cấp GXN tình trạng hôn nhân giải quyết không quá 3 ngày làm việc, trong khi đó, tờ khai cấp GXN tình trạng hôn nhân của bà Luyến ghi ngày 23/02/2023, nhưng đến ngày 02/03/2023, UBND xã mới trả kết quả. Như vậy, hồ sơ bà Ngô Thị Kim Luyến quá hạn 5 ngày so với quy định.

3.2. Việc thực hiện trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức trong việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho cá nhân, tổ chức.

Đoàn Thanh tra tiến hành kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức trong việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho cá nhân, tổ chức trong một số lĩnh vực: Hộ tịch, bảo trợ xã hội (hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định mức độ khuyết tật), tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo. Cụ thể như sau:

3.2.1. Thủ tục hành chính trong giải quyết hộ tịch

a) Khai sinh

*** Kết quả kiểm tra**

Đoàn Thanh tra chọn mẫu từ Khai sinh số 401/2021 đến số 464/2021; từ số 60/2022 đến số 100/2022, từ số 150/2023 đến số 200/2023

- Khai sinh số 188/2023, 189/2023 là đăng ký lại khai sinh nhưng không có chứng cứ chứng minh mối quan hệ cha, con;

- Khai sinh số 443/2021, đã có văn bản trả lời của cơ quan công an không có thông tin về mối quan hệ cha, mẹ, con nhưng không có cam đoan của công dân về mối quan hệ cha, mẹ, con.

- Khai sinh số 424/2021, nội dung văn bản trả lời của UBND xã Long Hiệp “từ ngày 05/05/1982 và mãi cho đến nay thì đối với bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung chưa có thông tin đăng ký khai sinh tại UBND xã Long Hiệp” nhưng UBND xã Đức Nhuận thực hiện đăng ký lại khai sinh là không đúng (đăng ký khai sinh cho người có giấy tờ tùy thân).

- Khai sinh số 444/2021, 447/2021, 154/2023, trong hồ sơ lưu đã có Bản sao giấy khai sinh của người được khai sinh tuy nhiên trong hồ sơ còn thu thêm bản photo Sổ hộ khẩu và CMND của người đi khai sinh

- Khai sinh số 71/2022, 81/2022, 174/2023, 175/2023 trong hồ sơ lưu có văn bản thừa nhận con chung tuy nhiên không có Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn.

- Khai sinh số 190/2023: Tờ khai đăng ký lại khai sinh không có năm sinh của cha mẹ, người yêu cầu đăng ký lại khai sinh không có Giấy uỷ quyền.

- Khai sinh số 191/2023, đăng ký khai lại khai sinh tuy nhiên khi có văn bản trả lời của Công an về việc không có thông tin cha mẹ, UBND xã Đức Nhuận không cho công dân làm cam đoan, trong tờ khai đăng ký lại khai sinh không có thông tin cha tuy nhiên mẹ bà Ánh họ Huỳnh (Huỳnh Thị Ánh), nội dung này chưa được xác minh làm rõ. Biên bản xác minh của UBND xã Đức Nhuận thông tin của mẹ bà Đoàn Thị Ánh không đồng nhất khi là Huỳnh Thị Lý khi là Huỳnh Thị Ánh.

*** Kết luận sai sót:**

- Việc đăng ký lại khai sinh mà không có giấy tờ chứng minh mối quan hệ cha, mẹ, con nhưng UBND xã không có văn bản đề nghị cơ quan công an có thẩm quyền xác minh hay đã có văn bản trả lời của cơ quan công an không có thông tin về mối quan hệ cha, mẹ, con nhưng không hướng dẫn công dân lập cam đoan về mối quan hệ cha, mẹ, con là không đúng theo quy định tại Khoản 4, Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch (sau đây gọi là Thông tư số 04/2020/TT-BTP).

- Trường hợp bà Nguyễn Thị Tuyết, UBND xã Long Hiệp xác nhận “*từ ngày 05/05/1982 và mãi cho đến nay thì đối với bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung chưa có thông tin đăng ký khai sinh tại UBND xã Long Hiệp*”, UBND xã Đức Nhuận không đăng ký lại khai sinh cho công dân mà cần thực hiện theo thủ tục Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân được quy định tại Điều 8 Thông tư số 04/2020/TT-BTP¹.

- Khi đăng ký lại khai sinh, công dân đã nộp Bản sao giấy khai sinh của người được khai sinh tuy nhiên trong hồ sơ còn thu thêm bản photo Sổ hộ khẩu và CMND của người được khai sinh là không đúng theo quy định tại Khoản 1, 3 Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP². Theo quy định tại Khoản 2, Điều 10, Thông tư số

¹ “Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hiện tại thực hiện việc đăng ký khai sinh cho công dân Việt Nam cư trú trong nước, sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2016, chưa đăng ký khai sinh nhưng đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (bản chính hoặc bản sao hợp lệ) như: giấy tờ tùy thân theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; Sổ hộ khẩu; Sổ tạm trú; giấy tờ khác do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp”

² “1. Bản sao Giấy khai sinh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ.

....

3. Trường hợp người yêu cầu đăng ký lại khai sinh không có giấy tờ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ sau đây là cơ sở để xác định nội dung đăng ký lại khai sinh:

a) Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu;

b) Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, giấy tờ chứng minh về nơi cư trú;

04/2020/TT-BTP “*Tại thời điểm đăng ký lại khai sinh, nếu thông tin về cha, mẹ và của bản thân người yêu cầu đăng ký lại khai sinh có thay đổi so với nội dung giấy tờ tại khoản 1 Điều này, thì người đó có trách nhiệm xuất trình giấy tờ hợp lệ chứng minh việc thay đổi*”.

- Công chức khi tiến hành xác minh thông tin hộ tịch chưa đầy đủ, triệt để vấn đề (Hồ sơ đăng ký lại khai sinh số 191/2023).

- Người yêu cầu đăng ký lại khai sinh cho người khác mà không có Giấy uỷ quyền là không đúng quy định tại Khoản 1, Điều 2 Thông tư số 04/2020/TT-BTP³.

- Công chức thực hiện đăng ký kết hôn kết hợp với đăng ký khai sinh cho con do người vợ sinh ra trước thời điểm đăng ký kết hôn theo Khoản 3, Điều 16 Thông tư số 04/2020/TT-BTP phải lưu đầy đủ hồ sơ để chứng minh đủ điều kiện thực hiện thủ tục theo quy định Khoản 3, Điều 16 Thông tư số 04/2020/TT-BTP. Ngoài ra, theo Khoản 3, Điều 3 Thông tư số 04/2020/TT-BTP quy định “*Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó*”. Vì vậy, công chức cần chụp lại hoặc ghi lại thông tin Giấy chứng nhận kết hôn của cha mẹ người được khai sinh để lưu trong hồ sơ.

b) Kết hôn

*** Kết quả kiểm tra**

Đoàn thanh tra tiến hành kiểm tra hồ sơ từ ngày 15/6/2021 đến ngày 31/12/2021, chọn mẫu kiểm tra từ hồ sơ từ số 01/2022 đến số 30/2022, từ số 30/2023 đến số 60/2023

- Đăng ký kết hôn số 45, ngày 02/7/2021 của bà Trần Thị Diễm Hương và ông Trần Philip King: Tờ khai đăng ký kết hôn ông Trần Philip King không ký; Sổ Đăng ký kết hôn bà Trần Thị Diễm Hương không ký. UBND xã Đức Nhuận có Công văn số 164/UBND ngày 30/8/2021 về việc đề nghị huỷ thông tin hộ tịch trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử tuy nhiên UBND xã chưa làm thủ tục đề nghị UBND huyện Mộ Đức huỷ đăng ký kết hôn vì sai quy định.

- Kết hôn số 25/2022, 33/2023, hồ sơ lưu GXNTTHN của bên kết hôn ngoài địa phương mục tình trạng hôn nhân ghi “*có chồng nhưng đã ly hôn ...*” và kết hôn

c) Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ, Học bạ, hồ sơ học tập do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận;

d) Giấy tờ khác có thông tin về họ, tên, ngày, tháng, năm sinh của cá nhân.

Người yêu cầu đăng ký lại khai sinh có trách nhiệm nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ nêu trên (nếu có) và cam đoan về việc đã nộp đủ các giấy tờ mình có; chịu trách nhiệm, hệ quả của việc cam đoan không đúng sự thật theo quy định tại Điều 5 Thông tư số này”

³ “1. Người yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch, cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, yêu cầu đăng ký các việc hộ tịch theo quy định tại Điều 3 Luật hộ tịch (sau đây gọi là yêu cầu đăng ký hộ tịch) được uỷ quyền cho người khác thực hiện thay; trừ trường hợp đăng ký kết hôn, đăng ký lại việc kết hôn, đăng ký nhận cha, mẹ, con thì không được uỷ quyền cho người khác thực hiện, nhưng một bên có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền, không phải có văn bản uỷ quyền của bên còn lại.

Việc uỷ quyền phải lập thành văn bản, được chứng thực theo quy định của pháp luật. Trường hợp người được uỷ quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người uỷ quyền thì văn bản uỷ quyền không phải chứng thực.”

số 43/2023 hồ sơ lưu GXNTTHN mục tình trạng hôn nhân ghi “*từ khi đủ tuổi kết hôn đến ngày 02/01/2023 chưa đăng ký kết hôn với ai tại địa phương*”.

*** Kết luận sai sót**

- Việc công chức Tư pháp - Hộ tịch ghi việc kết hôn vào Sổ hộ tịch khi tờ khai đăng ký kết hôn bên nam không ký là vi phạm quy định tại Khoản 2, Điều 18 Luật Hộ tịch năm 2014⁴.

- Trường hợp đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã mà người yêu cầu đăng ký kết hôn không thường trú tại xã, phường, thị trấn nơi đăng ký kết hôn thì phải nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền cấp nhưng mục “tình trạng hôn nhân” trong GXNTTHN do công dân nộp có nội dung ghi không đúng theo hướng dẫn quy định tại Điều 33 Thông tư số 04/2020/TT-BTP. Người thực hiện đăng ký kết hôn còn sai sót trong quá trình kiểm tra nội dung giấy tờ do công dân cung cấp.

c) Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

*** Kết quả kiểm tra**

Đoàn Thanh tra tiến hành chọn mẫu kiểm tra từ hồ sơ số 93/2021 đến hồ sơ số 147/2021, từ số 40/2022 đến số 70/2022, từ số 112/2023 đến số 242/2023, kết quả kiểm tra như sau:

- Qua kiểm tra sổ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân còn một số trường hợp mục đích cấp GXNTTHN không phải để đăng đi kết hôn nhưng tại mục “Mục đích sử dụng”, không ghi hoặc ghi không đúng nội dung “Giấy này được cấp để.....không có giá trị sử dụng để đăng ký kết hôn”.

- Qua kiểm tra nhiều hồ sơ lưu thêm các loại giấy tờ như: giấy huỷ bỏ đăng ký cư trú, xác nhận thông tin cư trú, xác nhận về việc nhập khẩu, cam đoan cư trú, phiếu cập nhật, chỉnh sửa thông tin công dân, thông báo định danh cá nhân...).

- Hồ sơ số 133/2021 ngày cấp Giấy chứng nhận kết hôn là 03/5/2017 không phải ngày 03/5/2018 như thông tin ghi trong sổ cấp GXNTTHN.

- Hồ sơ số 142/2021: Ghi tình trạng hôn nhân chưa đúng theo quy định của pháp luật.

- Hồ sơ số 49/2022 người đề nghị cấp giấy không phải người được cấp giấy XNTTHN nhưng **không có Giấy uỷ quyền**.

- Hồ sơ số 58/2022 của ông Võ Xuân Sơn trong hồ sơ lưu có bản photo Giấy chứng nhận kết hôn của ông Võ Xuân Sơn và bà Phạm Thị Thuột số 28 do UBND xã Đức Nhuận cấp ngày 14/3/2019. Tuy nhiên UBND xã Đức Nhuận cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho ông Võ Xuân Sơn tại mục Tình trạng hôn nhân ghi “*hiện đang có vợ là bà Phạm Thị Thuột, sinh ngày 17/3/1950, thường trú tại thôn*

⁴ “2. Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, công chức tư pháp - hộ tịch ghi việc kết hôn vào Sổ hộ tịch, cùng hai bên nam, nữ ký tên vào Sổ hộ tịch. Hai bên nam, nữ cùng ký vào Giấy chứng nhận kết hôn; công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ...”

5, xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, hôn nhân thực tế từ năm 1973 đến nay”.

*** Kết luận sai sót:**

- Cấp GXNTTHN không phải để đăng đi kết hôn nhưng tại mục “Mục đích sử dụng”, không ghi nội dung “Không có giá trị sử dụng để đăng ký kết hôn” là không đúng quy định tại Khoản 4, Điều 12 Thông tư số 04/2020/TT-BTP⁵.

- Đối với các trường hợp UBND xã lưu thêm các loại giấy tờ như huỷ bỏ đăng ký cư trú, xác nhận thông tin cư trú, xác nhận về việc nhập khẩu, cam đoan cư trú, phiếu cập nhật, chỉnh sửa thông tin công dân, thông báo định danh cá nhân,... là không đúng quy định tại Khoản 1, 2 Điều 22 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP⁶.

- Hồ sơ số 133/2021, tại Mục tình trạng hôn nhân, người thực hiện ghi sai thông tin ngày cấp Giấy chứng nhận kết hôn.

- Người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người khác mà không có Giấy uỷ quyền là không đúng quy định tại Khoản 1, Điều 2 Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

- Việc ghi không đúng mục “tình trạng hôn nhân” trong Sổ cấp GXNTTHN là không đúng quy định tại Điều 33 Thông tư số 04/2020/TT-BTP⁷

- Ông Võ Xuân Sơn và bà Phạm Thị Thuột đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28 do UBND xã Đức Nhuận cấp ngày 14/3/2019 (không có thông tin về ngày xác lập hôn nhân thực tế), tuy nhiên trong Sổ cấp GXNTTHN cho

⁵ “4. Trường hợp yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích khác, không phải để đăng ký kết hôn, thì người yêu cầu không phải đáp ứng điều kiện kết hôn; trong Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân phải ghi rõ mục đích sử dụng, không có giá trị sử dụng để đăng ký kết hôn. Số lượng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân được cấp theo yêu cầu”.

⁶ “1. Người yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân nộp Tờ khai theo mẫu quy định. Trường hợp yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân nhằm mục đích kết hôn thì người yêu cầu phải đáp ứng đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Trường hợp người yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân đã có vợ hoặc chồng nhưng đã ly hôn hoặc người vợ hoặc chồng đã chết thì phải xuất trình hoặc nộp giấy tờ hợp lệ để chứng minh; nếu thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 37 của Nghị định số này thì nộp bản sao trích lục hộ tịch tương ứng.”

⁷ 1. Mục “Tình trạng hôn nhân” phải ghi trung thực về tình trạng hôn nhân hiện tại của người đó, cụ thể như sau:

- Nếu chưa bao giờ kết hôn thì ghi rõ là hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai.

- Nếu đang có vợ/chồng thì ghi rõ là hiện tại đang có vợ/chồng là bà/ông... (Giấy chứng nhận kết hôn số..., do... cấp ngày... tháng... năm...).

- Nếu chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03/01/1987 và chưa ly hôn hoặc không có sự kiện vợ (chồng) chết hoặc bị tuyên bố là đã chết thì ghi rõ là hiện tại đang có vợ/chồng là bà/ông....

- Nếu có đăng ký kết hôn hoặc chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03/01/1987, nhưng đã ly hôn và chưa kết hôn mới thì ghi rõ là đã đăng ký kết hôn hoặc đã có vợ/chồng, nhưng đã ly hôn theo Bản án/Quyết định ly hôn số... ngày... tháng... năm... của Tòa án nhân dân...; hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai.

- Nếu có đăng ký kết hôn hoặc chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03/01/1987, nhưng vợ/chồng đã chết và chưa kết hôn mới thì ghi rõ là đã đăng ký kết hôn hoặc đã có vợ/chồng, nhưng vợ/chồng đã chết (Giấy chứng tử/Trích lục khai tử/Bản án số:... do... cấp ngày... tháng... năm...); hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai.

- Nếu người đang có vợ/chồng yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian trước khi đăng ký kết hôn thì ghi rõ là trong thời gian từ ngày...tháng...năm...đến ngày...tháng...năm...chưa đăng ký kết hôn với ai; hiện tại đang có vợ/chồng là bà/ông... (Giấy chứng nhận kết hôn số ..., do ... cấp ngày...tháng...năm).

2. Công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian cư trú tại Việt Nam, trước khi xuất cảnh; người đã qua nhiều nơi thường trú khác nhau để nghị xác nhận tình trạng hôn nhân tại nơi thường trú trước đây thì ghi rõ về tình trạng hôn nhân của người đó tương ứng với thời gian cư trú.

Ví dụ: Không đăng ký kết hôn với ai trong thời gian cư trú tại xã Bồng Lai, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh từ ngày 20/11/1996 đến ngày 04/3/1998”.

ông Võ Xuân Sơn, mục Tình trạng hôn nhân ghi “hiện đang có vợ là bà Phạm Thị Thuột, sinh ngày 17/3/1950, thường trú tại thôn 5, xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, hôn nhân thực tế từ năm 1973 đến nay” là không đúng quy định tại Khoản 13, Điều 3, Luật hôn nhân và gia đình 2014 “Thời kỳ hôn nhân là khoảng thời gian tồn tại quan hệ vợ chồng, được tính từ ngày đăng ký kết hôn đến ngày chấm dứt hôn nhân”.

d) Khai tử

*** Kết quả kiểm tra**

Đoàn kiểm tra hồ sơ khai tử từ ngày 15/6/2021 đến ngày 31/12/2021, chọn mẫu kiểm tra từ số 30/2022 đến số 50/2022, từ số 64/2023 đến số 111/2023

- Qua kiểm tra còn một số trường hợp trong hồ sơ lưu có các loại giấy tờ như CCCD người đi khai tử, thông báo thông tin Định danh cá nhân, Giấy chứng nhận kết hôn, Hộ khẩu, Giấy kê khai di sản thừa kế và những người được hưởng di sản thừa kế ...)

- Hồ sơ số 83/2023, 84/2023: Tờ khai đăng ký khai tử không có thông tin ngày, tháng, năm chết.

*** Kết luận sai sót:**

- Việc thu thêm các loại giấy tờ như CCCD người đi khai tử, thông báo thông tin Định danh cá nhân, Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy kê khai di sản thừa kế và những người được hưởng di sản thừa kế... là không đúng quy định tại Khoản 2, Điều 2 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP⁸.

- Tờ khai đăng ký khai tử không ghi thông tin ngày, tháng, năm chết là không đúng theo quy định tại Khoản 2, Điều 4 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP⁹.

e) Thay đổi, cải chính hộ tịch

*** Kết quả kiểm tra**

Đoàn Thanh tra tiến hành kiểm tra ngẫu nhiên 17 hồ sơ cải chính, thay đổi hộ tịch trong thời kỳ thanh tra, kết quả như sau:

- 02 hồ sơ thay đổi, cải chính hộ tịch năm 2021 thực hiện đảm bảo đúng quy định pháp luật.

- Hồ sơ thay đổi ngày tháng năm chết số 09/2022 không có căn cứ chứng minh bà Trần Thị Cho trong Trích lục khai tử số 31 ngày 04/4/2022 và bà Trần Thị Trượng (tên trên bia mộ) là cùng một người để làm cơ sở cải chính.

⁸ “Người yêu cầu đăng ký khai sinh phải nộp bản chính Giấy chứng sinh hoặc giấy tờ thay Giấy chứng sinh theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 của Luật Hộ tịch; đăng ký khai tử phải nộp bản chính Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay Giấy báo tử theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 của Luật Hộ tịch và tại Khoản 2 Điều 4 của Nghị định số này; đăng ký kết hôn phải nộp bản chính Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân theo quy định tại Mục 3 Chương III của Nghị định số này”.

⁹ “2. Khi đăng ký khai tử theo quy định của Luật Hộ tịch, nội dung khai tử phải bao gồm các thông tin: Họ, chữ đệm, tên, năm sinh của người chết; số định danh cá nhân của người chết, nếu có; nơi chết; nguyên nhân chết; giờ, ngày, tháng, năm chết theo Dương lịch; quốc tịch nếu người chết là người nước ngoài...”

- Hồ sơ thay đổi hộ tịch số 03/2023 và 06/2023 về thay đổi họ cho con dưới 18 tuổi, tờ khai đăng ký việc thay đổi hộ tịch không có ý kiến của người mẹ.

*** Kết luận sai sót**

- UBND xã cải chính khai tử khi không có đủ căn cứ để xác định có sai sót do lỗi của công chức làm công tác hộ tịch hoặc của người yêu cầu đăng ký hộ tịch là không đúng quy định tại Khoản 2, Điều 7 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP¹⁰.

- Tờ khai đăng ký việc thay đổi họ cho con dưới 18 tuổi không có ý kiến của người mẹ là không đúng theo mẫu tờ khai ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTP và quy định tại Khoản 1, Điều 7 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP¹¹.

3.2.2. Thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo trợ xã hội (hộ nghèo, người khuyết tật)

a) Xác định mức độ khuyết tật

*** Kết quả kiểm tra**

- Năm 2021, 2022, 2023: Thông báo niêm yết của UBND xã lại có tiêu đề “thông báo về việc niêm yết công khai kết quả xét của Hội đồng Bảo trợ xã hội xã Đức Nhuận”. Không có thông báo kết thúc niêm yết kết luận của hội đồng xác định mức độ khuyết tật.

- Danh sách cấp Giấy xác nhận khuyết tật không đúng theo mẫu theo quy định của pháp luật.

- Danh sách niêm yết năm 2021 có tên công dân là “Lê Văn Tám, sinh ngày 25/4/1965” nhưng danh sách cấp Giấy xác nhận khuyết tật là “Lê Tám, sinh ngày 25/4/1965” và hồ sơ lưu tại UBND xã là Lê Tám.

- Năm 2022, 2023 danh sách niêm yết công khai và danh sách cấp Giấy xác nhận khuyết tật không khớp. Các trường hợp có mức độ khuyết tật nhẹ không được cấp Giấy xác nhận khuyết tật.

- Năm 2022, các trường hợp như: Bùi Thị Dũng, Phạm Thị Mai (sinh ngày 01/01/1926), Trần Chuân, Phạm Thị Thanh, Nguyễn Thị Dung, Lê Quang Danh, Trần Thị Sung, Lê Thị Hoài, Phạm Nhân, Lê Quang Dư không có trong danh sách xác định mức độ khuyết tật tháng 4/2022 nhưng lại có tên trong danh sách cấp Giấy xác nhận khuyết tật

- Hồ sơ xác định mức độ khuyết tật của bà Huỳnh Thị Hùng, ông Nguyễn Thanh, bà Lê Thị Huệ, bà Dương Thị Mai và ông Trần My năm 2022 và hồ sơ của ông Nguyễn Văn Tú tại phiếu xác định mức độ khuyết tật đối với người từ đủ 6 tuổi trở lên, tại mục III. “Xác định dạng khuyết tật”, Hội đồng không đánh dấu vào các ô “có” hay “không” dạng khuyết tật.

¹⁰ “Cải chính hộ tịch theo quy định của Luật Hộ tịch là việc chỉnh sửa thông tin cá nhân trong Sổ hộ tịch hoặc trong bản chính giấy tờ hộ tịch và chỉ được thực hiện khi có đủ căn cứ để xác định có sai sót do lỗi của công chức làm công tác hộ tịch hoặc của người yêu cầu đăng ký hộ tịch”

¹¹ “Việc thay đổi họ, chữ đệm, tên cho người dưới 18 tuổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 của Luật Hộ tịch phải có sự đồng ý của cha, mẹ người đó và được thể hiện rõ trong Tờ khai; đối với người từ đủ 9 tuổi trở lên thì còn phải có sự đồng ý của người đó”

- Hồ sơ xác định mức độ khuyết tật của bà Huỳnh Thị Tính, ông Nguyễn Thạch thu thêm CCCD.

*** Kết luận sai sót:**

- Công chức văn hoá - xã hội lập danh sách cấp Giấy xác nhận tháng 4/2022 không đúng với sổ trường hợp được xác định mức độ khuyết tật.

- Các trường hợp có mức độ khuyết tật nhẹ không được cấp Giấy xác nhận khuyết tật là không đúng quy định tại Khoản 1, Điều 6 Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH, ngày 02/01/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện¹² (sau đây gọi là Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH)

- Danh sách cấp Giấy xác nhận khuyết tật không đúng theo mẫu được quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH.

- Từ ngày 01/7/2021, không còn “Hội đồng bảo trợ xã hội” theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, ngày 15/3/2021 của Chính Phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Hội đồng không đánh dấu đánh giá là “có” ở 1 trong các dấu hiệu của dạng khuyết tật tại Mục III hay đánh giá là “không” ở tất cả các dấu hiệu của dạng khuyết tật tại Mục III phiếu xác định mức độ khuyết tật đối với người từ đủ 6 tuổi trở lên là không đúng hướng dẫn ghi mẫu số 03 phiếu xác định mức độ khuyết tật đối với người từ đủ 6 tuổi trở lên ban hành kèm theo Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH.

- Việc thu thêm CCCD trong hồ sơ xác định mức độ khuyết tật của công dân là không đúng quy định tại Điều 4 Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH¹³

b) Hộ nghèo, hộ cận nghèo

*** Kết quả kiểm tra**

- Hồ sơ rà soát hộ nghèo, cận nghèo chỉ lưu biên bản họp dân và Phiếu A của các thôn.

- Quyết định phê duyệt danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của năm 2022, 2023 không kèm theo danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo.

¹² “1. Đối với trường hợp do Hội đồng thực hiện, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có biên bản kết luận của Hội đồng về dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật, Chủ tịch Ủy ban nhân cấp xã niêm yết, thông báo công khai kết luận của Hội đồng tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và cấp Giấy xác nhận khuyết tật. Trường hợp có khiếu nại, tố cáo hoặc không đồng ý với kết luận của Hội đồng thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, Hội đồng tiến hành xác minh, thẩm tra, kết luận cụ thể và trả lời bằng văn bản cho người khiếu nại, tố cáo.”

¹³ “Điều 4. Hồ sơ đề nghị xác định, xác định lại mức độ khuyết tật; cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật
1. Đơn đề nghị xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số này.

2. Bản sao các giấy tờ liên quan đến khuyết tật (nếu có) như: bệnh án, giấy tờ khám, điều trị, phẫu thuật, Giấy xác nhận khuyết tật cũ và các giấy tờ có liên quan khác.

3. Bản sao kết luận của Hội đồng Giám định y khoa về khả năng tự phục vụ, mức độ suy giảm khả năng lao động đối với trường hợp người khuyết tật đã có kết luận của Hội đồng Giám định y khoa trước ngày Nghị định số 28/2012/NĐ-CP có hiệu lực hoặc các giấy tờ liên quan khác (nếu có).

4. Trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 8 và điểm b, Khoản 2 Điều 8 thì không phải nộp các giấy tờ quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này”.

- Thành phần hợp dân để thống nhất kết quả rà soát thiếu đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, không ghi số lượng hộ dân khác ngoài danh sách hộ gia đình cần rà soát.

- Năm 2021: Phiếu A của thôn 3, 4 không điền đầy đủ cột Kết quả, Phiếu A của thôn 4 từ số 74 đến số 84 điền không đúng cột (cột tổng số lại điền vào cột Kết quả). Năm 2023: Phiếu A của thôn 6 không điền đầy đủ cột Kết quả.

- Năm 2022, UBND xã Đức Nhuận lại tiến hành rà soát nhanh đối với toàn bộ hộ dân cần rà soát của các thôn 1, 3, 4 (các thôn khác UBND không cung cấp hồ sơ).

- Kết quả kiểm tra ngẫu nhiên 15 hồ sơ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (mỗi năm 05 hồ sơ) như sau:

+ Hồ sơ bà Tạ Thị Hạnh có Phiếu B2 tính điểm tổng sai (thực tế trong phiếu chấm điểm là 30 nhưng cộng tổng thành 40)

+ Hầu hết các hồ sơ rà soát Đoàn Thanh tra kiểm tra, trong quá trình đánh giá có sự mâu thuẫn giữa các thông tin trong Phiếu B1 (Bảng chấm điểm), Phiếu B2 và Phiếu B1 (Thông tin chung về hộ gia đình) như: Phiếu B1 (Bảng chấm điểm) tại Mục 10 nước sinh hoạt là sử dụng giếng khoan, nhưng tại mục 5, Phiếu B2 lại đánh giá đánh giá hộ gia đình không tiếp cận nguồn nước sạch trong sinh hoạt; Mục 4.1 Phiếu B2 đánh giá hộ gia đình đang sống trong ngôi nhà/ căn hộ thuộc loại không bền chắc trong khi Phiếu B1 (thông tin chung về hộ gia đình) thì 03 bộ phận của ngôi nhà là cột, mái, tường/bao che đều làm từ vật liệu kiên cố (là nhà ở kiên cố); Phiếu B1 (Bảng chấm điểm) tại Mục 12. Tài sản chủ yếu có 01 tivi màu nhưng tại mục 6.2, Phiếu B2 lại đánh giá hộ gia đình không có phương tiện nào trong tổng số các phương tiện tiếp cận thông tin; Phiếu B1 (Bảng chấm điểm) tại Mục 8. Diện tích bình quân đầu người là từ 20m² đến dưới 30m² nhưng tại mục 4.2, Phiếu B2 lại đánh giá diện tích bình quân đầu người của hộ gia đình là dưới 8m²...

+ Nhiều mục trong phiếu B1 (Bảng chấm điểm), Phiếu B2 tính điểm không đúng, ví dụ: Hộ ông Lê Hùng (gồm 02 khẩu trên 70 tuổi): Phiếu B2, mục 1.2. Hộ gia đình có tỷ lệ người phụ thuộc trong tổng số nhân khẩu lớn hơn 50% không có điểm; Hộ bà Trần Thị Lệ Thủy (có 04 khẩu trong đó 03 khẩu trong độ tuổi lao động): Phiếu B1 (Bảng chấm điểm) tại Mục 2. Số người trong độ tuổi lao động là 1 là sai. Phiếu B2, mục 1.2. Hộ gia đình có tỷ lệ người phụ thuộc trong tổng số nhân khẩu lớn hơn 50% có 10 điểm là không đúng (chỉ có 1 người phụ thuộc trong tổng số 4 người); Hộ ông Nguyễn Công Mẫu (có 07 khẩu trong đó 05 khẩu trong độ tuổi lao động): Phiếu B1 (Bảng chấm điểm) tại Mục 2. Số người trong độ tuổi lao động là 2 người....

*** Kết luận sai sót:**

- Năm 2022, UBND xã Đức Nhuận lại tiến hành rà soát nhanh đối với toàn bộ hộ dân cần rà soát của các thôn 1, 3, 4 là không đúng theo quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 1 Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội¹⁴.

¹⁴ “Đối với hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với thôn, tổ dân phố, bản, buôn, khóm, ấp (viết tắt là thôn), rà soát viên lập danh sách và sử dụng Phiếu A theo Phụ

- Việc đánh giá có sự mâu thuẫn giữa các thông tin trong Phiếu B1 (Bảng chấm điểm), Phiếu B2 và Phiếu B1 (Thông tin chung về hộ gia đình) là thực hiện không đúng theo hướng dẫn sử dụng Phiếu A, phiếu B được ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.

- Thành phần hợp dân để thống nhất kết quả rà soát thiếu đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, không ghi số lượng hộ dân khác ngoài danh sách hộ gia đình cần rà soát là không đúng theo quy định tại Điều 4 Quyết định 24/2021/QĐ-TTg, ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 – 2025.

3.2.3. Thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tiếp công dân

*** Kết quả kiểm tra**

- Sổ tiếp dân thường xuyên năm 2021, 2022 và năm 2023: UBND xã có mở sổ theo dõi tiếp công dân thường xuyên. Cụ thể:

+ Từ 15/6/2021 đến ngày 31/12/2021: 24 lượt/24 người.

+ Năm 2022: 41 lượt/54 người.

+ Năm 2023: 93 lượt/102 người.

- Năm 2023, theo Báo cáo số 16/BC-UBND, ngày 25/01/2024 của UBND xã Đức Nhuận thì tổng lượt tiếp công dân của UBND xã là 106 lượt/104 người, trong đó: Tiếp thường xuyên là 113 lượt/101 người, tiếp định kỳ là 03 lượt/03 người (tổng là 116 lượt/104 người). Nhưng trên thực tế kiểm tra sổ tiếp công dân thường xuyên của xã thì trong năm 2023 (từ 01/01/2023 – 30/11/2023) UBND xã tiếp thường xuyên 93 lượt/102 người.

- Trong sổ tiếp công dân thường xuyên, UBND xã Đức Nhuận lại ghi chép số lượng đơn thư do huyện, tỉnh chuyển về năm 2023.

* **Kết luận sai sót:** UBND xã Đức Nhuận không mở sổ tiếp công dân định kỳ, đột xuất là không đúng quy định tại Điều 11 Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ¹⁵ quy định quy trình tiếp công dân.

3.2.4. Thủ tục hành chính trong lĩnh vực tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn

*** Kết quả kiểm tra**

Trong thời kỳ thanh tra, UBND xã tiếp nhận 179 đơn/169 vụ (tiếp nhận tại xã 157 đơn và huyện chuyển 22 đơn). Trong đó:

- Đơn phản ánh, kiến nghị: 108 đơn/99 vụ

- Đơn tranh chấp đất đai: 67 đơn/65 vụ

- Đơn khiếu nại: 04 đơn/04 vụ.

lục II và Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số này để nhận dạng nhanh đặc điểm hộ gia đình. Trường hợp có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09 thì đưa vào danh sách hộ gia đình cần rà soát”

¹⁵ “Việc tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh phải được ghi vào Sổ tiếp công dân hoặc nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh hoặc phần mềm quản lý công tác tiếp công dân. Sổ tiếp công dân được thực hiện theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số này”

- Đơn tố cáo: 01 đơn/01 vụ

*** Kết luận sai sót:**

- Số liệu đơn thư trong báo cáo số 16/BC-UBND ngày 25/01/2024 của UBND xã Đức Nhuận không trùng khớp với số liệu trong sổ theo dõi đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của xã. Sổ theo dõi đơn thư năm 2023 của xã để trống thông tin đơn số 07 và đơn số 31.

- Theo quy định, từ ngày 15/11/2021 việc tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị được thực hiện theo quy trình quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-TTCP, ngày 01/10/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh (Thông tư số 05/2021/TT-TTCP). Vì vậy, các đơn phản ánh, kiến nghị gửi UBND xã Đức Nhuận sau ngày 15/11/2021 nhưng người xử lý đơn vẫn đề xuất thụ lý đơn phản ánh, kiến nghị là không đúng theo quy định tại Khoản 1, Điều 20, Thông tư số 05/2021/TT-TTCP¹⁶.

- Năm 2022, người tiếp nhận và xử lý đơn của UBND xã Đức Nhuận sử dụng Mẫu 01 - Phiếu đề xuất thụ lý đơn được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 05/2021/TT-TTCP, mẫu này được áp dụng đối với đơn khiếu nại và đơn tố cáo không áp dụng đối với đơn phản ánh, kiến nghị.

- Đoàn Thanh tra tiến hành kiểm tra ngẫu nhiên 21 hồ sơ giải quyết đơn thư phản ánh kiến nghị, kết quả như sau:

+ Một số hồ sơ giải quyết đơn thư phản ánh, kiến nghị lưu tại xã chỉ có đơn của công dân không có hồ sơ minh chứng cho quá trình xác minh, làm việc với các thành phần liên quan hoặc không có văn bản trả lời cho công dân (gồm các trường hợp: ông Trần Tấn Tha, bà Nguyễn Thị Thế và ông Trần Đồng, bà Nguyễn Thị Bảy, bà Ngô Thị Mỹ, 02 đơn của ông Nguyễn Thanh Hùng, ông Ngô Văn Thành) là không đúng theo quy định tại Khoản 1, Điều 20, Thông tư số 05/2021/TT-TTCP

+ Việc xử lý đơn không đúng quy định tại Khoản 2, Điều 21 Thông tư số 07/2014/TT-TTCP, ngày 31/10/2014 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, đơn phản ánh, kiến nghị (đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp của ông Trần Sáu ở thôn 7, xã Đức Nhuận. Qua xử lý, Chủ tịch UBND xã nhận thấy thửa đất được yêu cầu trong đơn thuộc ranh giới hành chính của xã Đức Thắng nên đề nghị chuyển UBND xã Đức Thắng giải quyết. Tuy nhiên, Chủ tịch UBND xã Đức Nhuận không có phiếu chuyển đơn để UBND xã Đức Thắng giải quyết).

+ UBND xã phân loại đơn không đúng: Đơn của bà Trần Thị Năm ở thôn 3, xã Đức Nhuận yêu cầu ông Trần Văn Thắng không trồng cây lâu năm sát vách tường nhà bà tránh gây hư hại kiến trúc nhà và nguy hiểm khi mùa mưa bão. Bộ phận tiếp nhận và xử lý đơn đã phân loại đây là đơn tranh chấp đất đai và Chủ tịch UBND xã tiến hành giải quyết hoà giải tranh chấp đất đai là không đúng bản chất vụ việc vì theo Khoản 24, Điều 3 Luật đất đai 2013 “*Tranh chấp đất đai là tranh chấp về*

¹⁶ “Đơn kiến nghị, phản ánh về những nội dung thuộc trách nhiệm quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình thì người xử lý đơn báo cáo, đề xuất người đứng đầu giải quyết, trả lời theo quy định của pháp luật”

quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất giữa hai hoặc nhiều bên trong quan hệ đất đai”.

+ Hồ sơ hoà giải tranh chấp lưu không đủ thành phần hồ sơ được quy định tại Điều 14 Quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được ban hành kèm theo Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi là *Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND*) bao gồm các hồ sơ sau: ông Huỳnh Văn Chương, ông Lê Lập, ông Lê Văn Kế, bà Đoàn Thị Kim Vân

+ Biên bản hoà giải tranh chấp đất đai, chủ trì và thành viên hội đồng hoà giải không ký, việc hòa giải được tiến hành khi 01 bên tranh chấp không có mặt là không đúng quy định tại Khoản 3, Điều 12 Quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được ban hành kèm theo Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi (trường hợp bà Đoàn Thị Kim Vân, ông Bùi Ngọc Bình)

+ Thành phần Hội đồng hoà giải không đầy đủ: thiếu đại diện UBMTTQVN xã... là không đúng quy định tại Khoản 2, Điều 12 Quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được ban hành kèm theo Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND (trường hợp ông Bùi Ngọc Bình)

+ Đối với đơn do UBND huyện chuyển về, UBND xã không có văn bản trả lời đơn cho công dân mà có Báo cáo kết quả giải quyết đơn gửi UBND huyện và đồng gửi cho công dân là không đúng quy định tại Khoản 1, Điều 20, Thông tư số 05/2021/TT-TTCP (trường hợp ông Phạm Ngọc Hải và bà Nguyễn Thị Thu).

+ Đơn công dân gửi UBND xã đã được giải quyết nhiều lần và không phát sinh tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ việc tuy nhiên UBND xã tiếp tục giải quyết nhưng không có văn bản thông báo cho công dân được biết là không đúng quy định tại Khoản 1, Điều 20, Thông tư số 05/2021/TT-TTCP (trường hợp của bà Nguyễn Thị Thu Thuý, bà Nguyễn Thị Ghi).

3.2.5. Thủ tục hành chính trong giải quyết khiếu nại

*** Kết quả kiểm tra**

Trong thời kỳ thanh tra, UBND xã Đức Nhuận đã tiếp nhận, xử lý và phân loại 04 đơn khiếu nại. Kết quả thanh tra cụ thể như sau:

- Đơn của bà Trần Thị Nga thường trú tại thôn 7, xã Đức Nhuận, khiếu nại Quyết định xử phạt Vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND xã Đức Nhuận và được Chủ tịch UBND xã Đức Nhuận thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu tại Thông báo số 78/TB-UBND, ngày 18/11/2022. Trong quá trình giải quyết công dân đã có đơn xin tự nguyện rút đơn khiếu nại. Tuy nhiên, Chủ tịch UBND xã Đức Nhuận không đình chỉ việc giải quyết khiếu nại và thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại.

- Đơn của bà Trần Thị Quy khiếu nại về quyết định hành chính của Chủ tịch UBND xã Đức Nhuận. Tuy nhiên, Chủ tịch UBND xã Đức Nhuận đã trả lời đơn cho

công dân tại Công văn số 111/UBND, ngày 03/7/2023 về việc trả lời nội dung đơn khiếu nại của bà Trần Thị Quy mà không tiến hành giải quyết theo trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại.

- Đơn của bà Nguyễn Thị Hồng, thường trú tại thôn 4, xã Đức Nhuận khiếu nại quyết định hành chính đã được Chủ tịch UBND xã Đức Nhuận thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu tại Thông báo số 56/TB-UBND ngày 21/8/2023. Chủ tịch UBND xã Đức Nhuận cũng đã ban hành Quyết định số 305/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị Hồng.

Tuy nhiên nội dung quyết định hành chính bị khiếu nại (Công văn số 108/UBND, ngày 03/7/2023 về việc trả lời nội dung đơn kiến nghị của bà Nguyễn Thị Hồng, Trần Thị Xuân Nương, Phạm Thị Mươi, Đặng Văn Huấn liên quan đến việc ông Nguyễn Quốc Vũ lấn chiếm đất công, san lấp mương nước thoát nước và đường đi, xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp) không liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hồng nên không thụ lý giải quyết khiếu nại.

*** Kết luận sai sót:**

- UBND xã Đức Nhuận không tiến hành xử lý đơn, giải quyết khiếu nại theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật khiếu nại 2011 và Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

- Trong quá trình giải quyết khiếu nại, người khiếu nại có đơn xin tự nguyện rút đơn khiếu nại, tuy nhiên, Chủ tịch UBND xã Đức Nhuận không đình chỉ việc giải quyết khiếu nại và thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại là vi phạm quy định tại Điều 10 Luật Khiếu nại 2011.

- Việc UBND xã Đức Nhuận thụ lý giải quyết Đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Hồng là không đúng quy tại Khoản 2, Điều 11 Luật Khiếu nại 2011.

3.2.6. Thủ tục hành chính trong giải quyết tố cáo

Trong thời kỳ thanh tra, UBND xã Đức Nhuận đã tiếp nhận và thụ lý giải quyết tố cáo đối với 01 đơn tố cáo liên quan đến hoạt động công vụ của ông Võ Văn Sinh – Công chức Địa chính-Xây dựng xã Đức Nhuận. Việc giải quyết tố cáo đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của Luật Tố cáo 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, trong quá trình xác minh, Tổ xác minh đã thu thập và lưu giữ bản gốc biên bản hoà giải tranh chấp đất đai các ngày 07/7/2023, 09/11/2022, 02/3/2023 và ngày 30/3/2023 sẽ gây ảnh hưởng đến việc lưu giữ hồ sơ của UBND xã trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai của công dân.

4. Đối với UBND xã Đức Chánh

4.1. Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho cá nhân, tổ chức trong thời kỳ thanh tra.

Kết quả tiếp nhận và giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa xã từ ngày 15/6/2021 đến ngày 30/11/2023 (theo Báo cáo số 19/BC-UBND ngày 24/01/2024), tổng số hồ sơ tiếp nhận 6.507, cụ thể như sau:

- Các bộ phận chuyên môn thuộc UBND xã đã tiếp nhận và giải quyết 6507 hồ sơ (trong đó tổng số hồ sơ tiếp nhận trực tuyến 1325 hồ sơ chiếm tỷ lệ 25,60%); đã giải quyết 6429 hồ sơ, trong đó trả trước hạn và đúng hạn 6363 hồ sơ, trễ hạn 66 hồ sơ; đang giải quyết 01 hồ sơ trong hạn; số hồ sơ rút 77 hồ sơ.

Qua kiểm tra thực tế trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, việc giải quyết trễ hạn 53 hồ sơ (không tính hồ sơ lĩnh vực đất đai) trong đó:

- + Năm 2021: 08 hồ sơ trễ hạn lĩnh vực bảo trợ xã hội, người có công;
- + Năm 2022: 24 hồ sơ trễ hạn lĩnh vực chứng thực, hộ tịch, bảo trợ xã hội;
- + Năm 2023: 21 hồ sơ trễ hạn lĩnh vực bảo trợ xã hội;

Nguyên nhân trễ hạn: Xuất phát từ nguyên nhân do công chức chuyên môn của UBND xã chậm trễ trong việc kết thúc xử lý trên phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh Quảng Ngãi, mặc dù đã trả hồ sơ trực tiếp bằng giấy.

4.2. Việc thực hiện trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức trong việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho cá nhân, tổ chức.

Đoàn Thanh tra tiến hành kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức trong việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho cá nhân, tổ chức trong một số lĩnh vực: Hộ tịch, bảo trợ xã hội (hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định mức độ khuyết tật), tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo. Cụ thể như sau:

4.2.1. Thủ tục hành chính trong giải quyết hộ tịch

a) Khai sinh

*** Kết quả kiểm tra**

Đoàn thanh tra tiến hành chọn mẫu kiểm tra hồ sơ từ số 601/2021 đến số 630/2021; từ số 01/2022 đến số 50/2022 và từ số 50/2023 đến số 100/2023

- Khai sinh số 602/2021, 04/2022, 09/2022 thiếu chứng cứ chứng minh mối quan hệ cha, mẹ, con.

- Khai sinh số 608/2021 đã có công văn trả lời của công an về việc không lưu trữ thông tin cha mẹ, không có cam đoan về mối quan hệ cha mẹ con.

- Khai sinh số 07/2022, 16/2022, 86/2023 hồ sơ lưu có bản sao Giấy chứng nhận kết hôn của cha mẹ, khai sinh số 58/2023 hồ sơ lưu có bản photo CCCD của cha mẹ người được khai sinh.

- Khai sinh số 24/2022, 33/2022, 34/2022, 47/2022, 50/2022, 59/2023, 94/2023 trong hồ sơ lưu đã có Bản sao giấy khai sinh tuy nhiên còn lưu CMND, sổ hộ khẩu, hộ chiếu của người được đăng ký lại khai sinh.

- Khai sinh số 72/2023, 95/2023 người được khai sinh sinh năm 2023. Cha mẹ của người được khai sinh đăng ký kết hôn năm 2022 vì vậy người được khai sinh là con trong thời kỳ hôn nhân, việc UBND xã Đức Chánh yêu cầu công dân làm văn bản thừa nhận con chung và lưu bản photo giấy Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, CCCD của cha mẹ người được khai sinh là không đúng quy định.

- Khai sinh số 73/2023 kết quả tra cứu thông tin người cha trên cơ sở dữ liệu điện tử quốc gia về dân cư khác với thông tin người cha trong tờ khai đăng ký lại khai sinh và sổ đăng ký khai sinh nhưng không có chứng cứ chứng minh có sự thay đổi chữ đệm của người cha.

- Khai sinh số 79/2023: không có giấy tờ tùy thân của người được khai sinh, không có văn bản ủy quyền.

- Khai sinh số 80/2023 hồ sơ lưu không có giấy tờ tùy thân của người được khai sinh.

*** Kết luận sai sót**

- Việc đăng ký lại khai sinh mà không có giấy tờ chứng minh mối quan hệ cha, mẹ, con nhưng UBND xã không có văn bản đề nghị cơ quan công an có thẩm quyền xác minh hay đã có văn bản trả lời của cơ quan công an không có thông tin về mối quan hệ cha, mẹ, con nhưng không hướng dẫn công dân lập cam đoan về mối quan hệ cha, mẹ, con là không đúng theo quy định tại Khoản 4, Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

- Việc thu thêm các loại giấy tờ khi đăng ký khai sinh là vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 16 Luật Hộ tịch năm 2014.

- Khi đăng ký lại khai sinh, công dân đã nộp Bản sao giấy khai sinh của người được khai sinh tuy nhiên trong hồ sơ còn thu thêm bản photo Sổ hộ khẩu và CMND, CCCD, hộ chiếu của người được khai sinh là không đúng theo quy định tại Khoản 1, 3 Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

- Người yêu cầu đăng ký lại khai sinh cho người khác mà không có Giấy ủy quyền là không đúng quy định tại Khoản 1, Điều 2 Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

- Đăng ký lại khai sinh khi không có giấy tờ quy định tại Khoản 1, 2 Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP mà không nộp giấy tờ tùy thân là không đúng theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

- “Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng”¹⁷. Vì vậy, việc UBND xã Đức Chánh yêu cầu yêu cầu công dân làm văn bản thừa nhận con chung đối với trường hợp con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân là không đúng theo quy định tại Khoản 1, Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Đăng ký lại khai sinh với chữ đệm trong tên người cha khác với kết quả tra cứu thông tin người cha trên cơ sở dữ liệu điện tử quốc gia nhưng không có chứng cứ chứng minh nội dung khai sinh được xác định theo hồ sơ, giấy tờ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chính thức hợp lệ đầu tiên là không đúng quy định tại Khoản 5, Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP¹⁸.

¹⁷ Theo Khoản 1, Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

¹⁸ “5. Trường hợp người yêu cầu không có bản sao Giấy khai sinh nhưng hồ sơ, giấy tờ cá nhân có sự thống nhất về nội dung khai sinh thì đăng ký lại theo nội dung đó. Nếu hồ sơ, giấy tờ không thống nhất về nội dung khai sinh thì nội dung khai sinh được xác định theo hồ sơ, giấy tờ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chính thức hợp lệ đầu tiên; riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang thì nội dung khai sinh được xác định theo văn bản của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này”

b) Kết hôn

**** Kết quả kiểm tra***

Đoàn thanh tra tiến hành chọn mẫu kiểm tra từ hồ sơ số 80/2021 đến số 112/2021, từ số 20/2022 đến số 50/2022 và từ số 40/2023 đến số 60/2023

- Kết hôn số 93/2021, 102/2021, 42/2022, 58/2023, 60/2023 trong hồ sơ lưu GXNTTHN của người yêu cầu kết hôn không thường trú tại xã nơi đăng ký kết hôn có mục tình trạng hôn nhân ghi không đúng quy định.

- Kết hôn số 97/2021 không có Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của bên nam - người yêu cầu kết hôn không thường trú tại xã Đức Chánh.

- Kết hôn số 26/2022 trong hồ sơ lưu có bản chính Bản án số 26/2020/HNGĐ-ST ngày 11/8/2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung của bên nữ (Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của bên nữ đã có thông tin nêu trên).

- Kết hôn số 29/2022 trong hồ sơ lưu có bản photo CMND, CCCD của bên nữ.

**** Kết luận sai sót***

- Việc thu thêm hồ sơ là không đúng theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định về giấy tờ nộp và xuất trình khi đăng ký kết hôn.

- Người thực hiện đăng ký kết hôn là không kiểm tra kỹ nội dung GXNTTHN do người yêu cầu đăng ký kết hôn cung cấp khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký kết hôn của công dân dẫn việc vẫn đăng ký kết hôn cho công dân khi nội dung giấy tờ do công dân nộp chưa đảm bảo theo quy định.

- Trường hợp UBND xã Đức Chánh đăng ký kết hôn khi người yêu cầu đăng ký kết hôn không thường trú tại xã Đức Chánh nhưng không nộp GXNTTHN do UBND cấp xã có thẩm quyền cấp là không đúng quy định tại Khoản 1, Điều 10 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

c) Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

**** Kết quả kiểm tra***

Đoàn thanh tra tiến hành chọn mẫu từ hồ sơ số 170/2021 đến số 200/2021, từ số 110/2022 đến số 150/2022 và từ số 40/2023 đến số 70/2023

- Hồ sơ số 170/2021, 176/2021, 177/2021, 111/2022, 112/2022, 121/2022, 123/2022, 125/2022, 131/2022, 143/2022, 43/2023, 46/2023, 58/2023, 63/2023 mục tình trạng hôn nhân ghi không đúng quy định.

- Hồ sơ số 184/2021 mục tình trạng hôn nhân công dân ghi “từ ngày 03/6/2009 đến ngày 01/4/2021 ở địa phương xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi chưa đăng ký kết hôn với ai” nhưng trong Sổ cấp GXNTTHN ghi “chưa đăng ký kết hôn với ai”.

- Hồ sơ số 140/2022, 55/2023, 70/2023 không có hồ sơ xác minh chứng minh cho việc xác lập hôn nhân thực tế.

- Hồ sơ số 44/2023, ngày 23/02/2023 xác định tình trạng đã ly hôn khi mới chỉ có biên bản tự nguyện ly hôn và hoà giải thành tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, không có Quyết định/ Bản án của Tòa.

Qua kiểm tra, đối với các trường hợp đề nghị cấp GXNTTHN không sử dụng vào mục đích kết hôn, mục đích sử dụng trong sổ cấp GXNTTHN người thực hiện không ghi câu “Giấy này được cấp để...không có giá trị sử dụng để đăng ký kết hôn”; đối với các trường hợp chưa bao giờ kết hôn người thực hiện ghi không đúng mục này (độc thân, chưa kết hôn, chưa đăng ký kết hôn với ai...), câu ghi đúng theo quy định là “Hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai”.

*** Kết luận sai sót**

- Cấp GXNTTHN không phải để đăng đi kết hôn nhưng tại mục “Mục đích sử dụng”, không ghi nội dung “Không có giá trị sử dụng để đăng ký kết hôn” là không đúng quy định tại Khoản 4, Điều 12 Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

- Việc ghi không đúng mục “tình trạng hôn nhân” trong Sổ cấp GXNTTHN là không đúng quy định tại Điều 33 Thông tư số 04/2020/TT-BTP

- Việc UBND xã Đức Chánh xác nhận hôn nhân thực tế nhưng không có hồ sơ xác minh tình trạng hôn nhân là không đúng quy định tại Khoản 3, Điều 23 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và không có hồ sơ chứng minh đủ điều kiện công nhận hôn nhân thực tế là không đúng quy định tại điểm d, mục 3 Thông tư số liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội "về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình"¹⁹

d) Khai tử

*** Kết quả kiểm tra**

¹⁹ “d. Được coi nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng, nếu họ có đủ điều kiện để kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Có tổ chức lễ cưới khi về chung sống với nhau;

- Việc họ về chung sống với nhau được gia đình (một bên hoặc cả hai bên) chấp nhận;

- Việc họ về chung sống với nhau được người khác hay tổ chức chứng kiến;

- Họ thực sự có chung sống với nhau, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình.

Thời điểm nam và nữ bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng là ngày họ tổ chức lễ cưới hoặc ngày họ về chung sống với nhau được gia đình (một hoặc cả hai bên) chấp nhận hoặc ngày họ về chung sống với nhau được người khác hay tổ chức chứng kiến hoặc ngày họ thực sự bắt đầu chung sống với nhau, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình”.

“Người yêu cầu đăng ký khai sinh phải nộp bản chính Giấy chứng sinh hoặc giấy tờ thay Giấy chứng sinh theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 của Luật Hộ tịch; đăng ký khai tử phải nộp bản chính Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay Giấy báo tử theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 của Luật Hộ tịch và tại Khoản 2 Điều 4 của Nghị định số này; đăng ký kết hôn phải nộp bản chính Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân theo quy định tại Mục 3 Chương III của Nghị định số này”.

“2. Khi đăng ký khai tử theo quy định của Luật Hộ tịch, nội dung khai tử phải bao gồm các thông tin: Họ, chữ đệm, tên, năm sinh của người chết; số định danh cá nhân của người chết, nếu có; nơi chết, nguyên nhân chết; giờ, ngày, tháng, năm chết theo Dương lịch; quốc tịch nếu người chết là người nước ngoài...”

“Cải chính hộ tịch theo quy định của Luật Hộ tịch là việc chỉnh sửa thông tin cá nhân trong Sổ hộ tịch hoặc trong bản chính giấy tờ hộ tịch và chỉ được thực hiện khi có đủ căn cứ để xác định có sai sót do lỗi của công chức làm công tác hộ tịch hoặc của người yêu cầu đăng ký hộ tịch”

“Việc thay đổi họ, chữ đệm, tên cho người dưới 18 tuổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 của Luật Hộ tịch phải có sự đồng ý của cha, mẹ người đó và được thể hiện rõ trong Tờ khai; đối với người từ đủ 9 tuổi trở lên thì còn phải có sự đồng ý của người đó”

Đoàn thanh tra chọn mẫu hồ sơ từ số 90/2021 đến số 110/2021, từ số 20/2022 đến số 40/2022 và từ số 50/2023 đến số 70/2023

- Khai tử số 93/2021, 96/2021, 35/2022: Nguyên nhân chết do tai nạn giao thông, hồ sơ lưu không có văn bản xác nhận của cơ quan công an hoặc kết quả giám định của Cơ quan giám định pháp y thay Giấy báo tử.

- Khai tử số 25/2022: Nguyên nhân chết không ghi theo Giấy Báo tử do bệnh viện cấp.

- Khai tử số 69, ngày 11/4/2023 của bà Trần Thị Tươi: Hình ảnh bia mộ không thể hiện ngày, tháng chết. Người làm chứng xác nhận việc chết của bà Trần Thị Tươi gồm ông Nguyễn Nước sinh năm 1968 và ông Nguyễn Mười sinh năm 1971 trong khi bà Trần Thị Tươi chết năm 1963 (khi hai người làm chứng chưa sinh ra) là không hợp lý.

*** Kết luận sai sót**

- Đăng ký khai tử cho người chết do tai nạn giao thông mà không có văn bản xác nhận của cơ quan công an hoặc kết quả giám định của Cơ quan giám định pháp y, nguyên nhân chết không ghi theo Giấy Báo tử do bệnh viện cấp là vi phạm quy định tại Khoản 2, Điều 4, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP²⁰.

- Cần xem xét tính hợp lệ đối với thông tin do người làm chứng xác nhận về việc chết, trường hợp giấy tờ, tài liệu, chứng cứ không hợp lệ, không bảo đảm giá trị chứng minh thì cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối đăng ký khai tử theo quy định tại Khoản 2, Điều 13 Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

e) Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch

*** Kết quả kiểm tra**

Tại thời điểm Đoàn Thanh tra làm việc với UBND xã Đức Chánh vào ngày 30/01/2023, UBND xã không cung cấp được hồ sơ thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch năm 2022 và năm 2023.

Ngày 01/3/2023, UBND xã Đức Chánh cung cấp hồ sơ thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch năm 2022 và năm 2023 (năm 2021 không phát sinh hồ sơ thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch).

Qua kiểm tra hồ sơ 06 hồ sơ thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch năm 2022-2023 thực hiện đảm bảo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, Sổ đăng ký, thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc số 01/2022, 02/2022, 01/2023, 02/2023 người đi đăng ký không ký. Khi khóa Sổ hộ tịch công chức Tư pháp – Hộ

²⁰ "...Nội dung đăng ký khai tử được xác định theo Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền sau đây cấp:

a) Đối với người chết tại cơ sở y tế thì Thủ trưởng cơ sở y tế cấp Giấy báo tử;

b) Đối với người chết do thi hành án tử hình thì Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình cấp giấy xác nhận việc thi hành án tử hình thay Giấy báo tử;

c) Đối với người bị Tòa án tuyên bố là đã chết thì Bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án thay Giấy báo tử;

d) Đối với người chết trên phương tiện giao thông, chết do tai nạn, bị giết, chết đột ngột hoặc chết có nghi vấn thì văn bản xác nhận của cơ quan công an hoặc kết quả giám định của Cơ quan giám định pháp y thay Giấy báo tử;

đ) Đối với người chết không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các Điểm a, b, c và d của Khoản này thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó chết có trách nhiệm cấp Giấy báo tử"

tịch không ghi rõ tổng số trang và tổng số sự kiện hộ tịch đã đăng ký; chủ tịch UBND xã chưa ký, đóng dấu.

*** Kết luận sai sót**

- Người đi đăng ký không ký tên vào Sổ đăng ký, thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc.

- Việc khoá sổ thực hiện chưa đúng theo quy định tại Khoản 2, Điều 58 Luật Hộ tịch 2014 “*Việc khoá Sổ hộ tịch được thực hiện vào ngày cuối cùng của năm. Khi khoá Sổ hộ tịch phải ghi rõ tổng số trang và tổng số sự kiện hộ tịch đã đăng ký; người đứng đầu cơ quan đăng ký hộ tịch ký, đóng dấu*”.

4.2.2. Thủ tục rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

*** Kết quả kiểm tra**

- Thành phần họp dân để thống nhất kết quả rà soát thiếu đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, không ghi số lượng hộ dân khác ngoài danh sách hộ gia đình cần rà soát. Biên bản họp dân thống nhất kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo không đúng biểu mẫu.

- Đoàn thanh tra kiểm tra ngẫu nhiên 10 hồ sơ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021, 2022 kết quả như sau: hầu hết các hồ sơ rà soát Đoàn Thanh tra kiểm tra, trong quá trình đánh giá có sự mâu thuẫn giữa các thông tin trong Phiếu B1 (Bảng chấm điểm), Phiếu B2 như: Phiếu B1 (Bảng chấm điểm) tại Mục 10 nước sinh hoạt là sử dụng giếng khoan, giếng đào, khe mó được bảo vệ nhưng tại mục 5, Phiếu B2 lại đánh giá đánh giá hộ gia đình không tiếp cận nguồn nước sạch trong sinh hoạt; Mục 8. Diện tích bình quân đầu người là từ 20m² đến dưới 30m², mục 11 đánh giá hộ xí tự hoại/bán tự hoại nhưng tại mục 4.2, Phiếu B2 lại đánh giá diện tích bình quân đầu người của hộ gia đình là dưới 8m², mục 5.2 hộ gia đình không sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh...

- Đoàn thanh tra kiểm tra ngẫu nhiên 05 hồ sơ rà soát đối với 05 hộ có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo năm 2023: các phiếu đánh giá, thu thập thông tin thực hiện đảm bảo đúng quy định.

*** Kết luận sai sót**

- Việc đánh giá có sự mâu thuẫn giữa các thông tin trong Phiếu B1 (Bảng chấm điểm) và Phiếu B2 là thực hiện không đúng theo hướng dẫn sử dụng Phiếu A, phiếu B được ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH, ngày 18/01/2021 của Bộ lao động - Thương Binh và Xã hội.

- Thành phần họp dân để thống nhất kết quả rà soát thiếu đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, không ghi số lượng hộ dân khác ngoài danh sách hộ gia đình cần rà soát là không đúng quy định tại Điều 4 Quyết định 24/2021/QĐ-TTg, ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 – 2025.

- Biên bản họp dân thống nhất kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo không đúng biểu mẫu quy định tại Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH, ngày 18/01/2021 của Bộ lao động - Thương Binh và Xã hội.

4.2.3. Thủ tục hành chính xác định mức độ khuyết tật

*** Kết quả kiểm tra**

- Năm 2021, đã kiểm tra 04 hồ sơ, nhận thấy:

+ Hồ sơ ông Bùi Tấn Nin: Đơn của công dân không xác định tình trạng khuyết tật, không có phiếu xác định khuyết của hội đồng xác định mức độ khuyết tật, không có biên bản họp kết luận dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật.

+ Hồ sơ ông Nguyễn Nhân: Đơn công dân có xác định khuyết tật nhưng chưa đảm bảo, không có biên bản họp kết luận dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật.

+ Hồ sơ ông Bùi Văn Chiêm: Đơn của công dân không xác định tình trạng khuyết tật, có phiếu xác định khuyết của hội đồng xác định mức độ khuyết tật nhưng chưa đảm bảo quy định (phiếu không xác định mức độ KT, người ghi phiếu không ký), không có biên bản họp kết luận dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật.

+ Hồ sơ bà Nguyễn Thị Ny: Đơn công dân không xác định dạng khuyết tật, không ghi ngày, tháng năm, không ký; phiếu xác định khuyết của hội đồng xác định mức độ khuyết tật không xác định mức độ khuyết tật; không có biên bản họp kết luận dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật.

Qua kiểm tra 04 hồ sơ năm 2021 về thủ tục xác định tình trạng khuyết tật, thì sau khi UBND xã tổ chức họp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật phải ban hành thông báo niêm yết kết quả xét duyệt hồ sơ người khuyết tật, nhưng đối với 04 hồ sơ trên không có thông báo niêm yết tại xã.

- Năm 2022: Đã kiểm tra 06 hồ sơ cho thấy:

+ Hồ sơ bà Trịnh Thị Hương: Phiếu xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định MĐKT không xác định MĐKT, Chủ tịch HĐ xác định MĐKT không ký, đóng dấu.

+ Hồ sơ bà Nguyễn Thị Tuấn: Đơn công dân không xác định tình trạng khuyết tật, phiếu xác định mức độ KT của Hội đồng xã không đóng dấu.

+ Hồ sơ bà Nguyễn Thị Việt: Đơn công dân không xác định tình trạng khuyết tật, Phiếu xác định mức độ KT của Hội đồng xã lưu không đóng dấu.

+ Hồ sơ bà Nguyễn Thị Mới: Đơn của công dân không xác định tình trạng khuyết tật, đơn của công dân ghi ngày 09/12/2021 đến ngày 27/01/2022 Hội đồng xã họp xét; phiếu xác định mức độ KT của Hội đồng xã không đóng dấu; Biên bản họp xét của chưa có chữ ký của Chủ tịch HĐ, thành viên và thư ký.

+ Hồ sơ bà Nguyễn Thị Có: Đơn công dân không xác định tình trạng khuyết tật; Phiếu xác định MĐKT của Hội đồng xã không xác định đang MĐKT, không ghi ngày tháng, năm, chưa đóng dấu của Hội đồng.

+ Hồ sơ ông Nguyễn Quang Lương: Đơn công dân ghi ngày 04/01/2021; Phiếu xác định MĐKT của Hội đồng không xác định dạng khuyết tật, không ghi ngày tháng năm, chưa đóng dấu; Biên bản họp kết luận không có ngày tháng năm.

+ Đối với Thông báo số 08/TB-UBND ngày 07/02/2022 của Chủ tịch UBND xã về việc niêm yết kết quả xét duyệt hồ sơ người khuyết tật, nhưng việc niêm yết chưa đảm bảo vì: Chủ tịch UBND xã không ký, không đóng dấu.

- Năm 2023: Đã kiểm tra 10 hồ sơ cho thấy:

+ Hồ sơ của ông Đỗ Nguyễn Bình: Đơn không ghi ngày, tháng, năm.

+ Hồ sơ của bà Trần Thị Hương: Đơn sửa ngày, tháng.

+ Hồ sơ của bà Lê Thị Nga: Đơn sửa ngày.

+ Hồ sơ của bà Nguyễn Thị Lang: Đơn sửa tháng.

+ Hồ sơ của bà Trần Thị Ái: Đơn sửa tháng.

+ Hồ sơ của bà Nguyễn Thị Thu Ba: Đơn sửa tháng.

+ Hồ sơ của ông Võ Ngọc Tiên: Đơn không ghi ngày, tháng, năm.

+ Hồ sơ của ông Võ Phi: Đơn công dân ghi ngày 14/8/2023, ngày 14/9/2023 Hội đồng xác định MĐKT của xã họp xét ngày 14/9/2023, do đó hồ sơ xử lý quy trình trễ 10 ngày, sau khi có biên bản họp xét thì thông báo niêm yết tại UBND xã 5 ngày làm việc. Như vậy, hồ sơ ông Võ Phi tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính là trễ 15 ngày so với quy định. Việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân trễ hạn, UBND xã có thực hiện thông báo xin lỗi cho công dân biết.

- Hồ sơ bà Nguyễn Thị Hương: Đơn không ghi ngày, tháng, năm.

Qua kiểm tra 09 hồ sơ trên, đều có điểm chung là tất cả đơn đề nghị xác định, xác định lại MĐKT của công dân đều sửa lại ngày, tháng năm trong đơn.

*** Kết luận về sai sót:**

Công chức tiếp nhận và xử lý hồ sơ của công dân chưa tốt, không sử dụng các biểu mẫu quy định tại Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Hồ sơ xác định mức độ khuyết tật lưu tại xã không đảm bảo theo quy định của Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH, ngày 02/01/2019 của Bộ LĐTB&XH quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện, như: Năm 2021 (Đơn công dân không xác định dạng khuyết tật, không ghi ngày, tháng năm, không ký; phiếu xác định khuyết của hội đồng xác định mức độ khuyết tật không xác định mức độ khuyết tật; không có biên bản họp kết luận dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật). Năm 2022 (Phiếu xác định MĐKT của Hội đồng không xác định dạng khuyết tật, không ghi ngày tháng năm, chưa đóng dấu; Biên bản họp kết luận không có ngày tháng năm). Năm 2023 (Đơn không ghi ngày, tháng, năm; Đơn sửa ngày, tháng).

4.2.4. Thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tiếp công dân: UBND xã Đức Chánh tại thời điểm thanh tra không có sổ tiếp dân thường xuyên và sổ tiếp dân định kỳ để cung cấp cho Đoàn Thanh tra kiểm tra. Theo báo cáo giải trình số 37/BC-

UBND, ngày 01/3/2024 của UBND xã Đức Chánh thì việc không có sổ tiếp dân thường xuyên và sổ tiếp dân định kỳ trong thời kỳ thanh tra (15/6/2021-30/11/2023) là do thay đổi lại vị trí kho lưu trữ của cơ quan nên các sổ trên bị thất lạc chưa tìm thấy.

4.2.5. Thủ tục hành chính trong lĩnh vực tiếp nhận xử lý đơn: Có mở sổ theo dõi tiếp nhận đơn thư.

Đối với hồ sơ xử lý đơn phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền: Hồ sơ lưu tại UBND xã chỉ có đơn, một số hồ sơ có biên bản làm việc với công dân. Hầu hết các hồ sơ đều không có văn bản trả lời đơn cho công dân.

4.2.6. Thủ tục hành chính trong giải quyết khiếu nại: Trong thời kỳ thanh tra không có Khiếu nại thuộc thẩm quyền.

4.2.7. Thủ tục hành chính trong giải quyết tố cáo: Trong thời kỳ thanh tra không có Tố cáo thuộc thẩm quyền.

C. KẾT LUẬN, NGUYÊN NHÂN, TRÁCH NHIỆM

I. Kết luận

1. Những kết quả đạt được

Qua thanh tra nhận thấy, các đơn vị được thanh tra đã chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao trong giải quyết TTHC, cung cấp DVHCC cơ bản đảm bảo theo các quy định của pháp luật. Tỷ lệ giải quyết trả hồ sơ trước hạn, đúng hạn đạt tỷ lệ cao

Quan tâm thực hiện cử cán bộ, công chức có chuyên môn, trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận một cửa; ban hành kịp thời quy chế, phân công nhiệm vụ cán bộ, công chức thực hiện; thường xuyên chỉ đạo tự kiểm tra công tác cải cách hành chính; thường xuyên rà soát các TTHC để kịp thời kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung phù hợp tình hình thực tế.

Qua thanh tra, chưa phát hiện cán bộ, công chức có hành vi sách nhiễu, gây phiền hà, tham nhũng khi làm việc với tổ chức, công dân. Không phát sinh đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ công vụ của cán bộ, công chức.

Điều này, cho thấy công tác cải cách hành chính, giải quyết TTHC, cung cấp DVHCC đã từng bước đi vào nề nếp, tạo điều kiện cho tổ chức, công dân khi phát sinh TTHC, đồng thời tạo niềm tin vào chính sách của Nhà nước, góp phần xây dựng nền hành chính nước nhà từng bước trong sạch, hiện đại.

2. Tồn tại, hạn chế

Kết quả giải quyết TTHC trước hạn, đúng hạn trong giai đoạn thanh tra đạt tỷ lệ cao, tuy nhiên việc giải quyết hồ sơ chưa đồng bộ giữa xử lý trên môi trường điện tử và xử lý hồ sơ giấy, một số hồ sơ còn để xảy ra chậm trễ trong việc thao tác trả hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh Quảng Ngãi.

Việc thực hiện trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức cấp xã trong việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho cá nhân, tổ chức trong một

số lĩnh vực được thanh tra (Hộ tịch, bảo trợ xã hội (hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định mức độ khuyết tật, tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo) thiếu sự đầu tư nghiên cứu, nắm bắt và áp dụng pháp luật trong thực thi nhiệm vụ của mình nên dẫn đến sai sót về trình tự, thủ tục, quy trình giải quyết công việc đạt hiệu quả chưa cao, còn nhiều sai sót, tồn tại như đã nêu tại **phần B của Kết luận** này.

II. Nguyên nhân

Những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến nội dung thanh tra tuy có một phần nguyên nhân khách quan là điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc chưa đảm bảo; việc hướng dẫn, kiểm tra của cơ quan chuyên môn chưa sâu sát, nhưng nguyên nhân chính thuộc về chủ quan và trách nhiệm thuộc về Chủ tịch UBND xã và công chức được giao nhiệm vụ thực hiện công vụ, như: Chủ tịch UBND xã chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ đối với các công chức bộ phận chuyên môn chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm được phân công; thiếu sự đầu tư nghiên cứu, nắm bắt và áp dụng pháp luật trong thực thi nhiệm vụ của mình nên dẫn đến sai sót về trình tự, thủ tục, quy trình giải quyết công việc đạt hiệu quả chưa cao. Bên cạnh đó, trình độ tiếp cận công nghệ thông tin của người dân còn hạn chế, một số hộ dân chưa có điện thoại thông minh để thực hiện cung cấp thông tin, nộp hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến, còn tâm lý ngại thực hiện hồ sơ trực tuyến, ngại thanh toán tiền trực tuyến, mong muốn nộp hồ sơ trực tiếp vì dễ thực hiện.

III. Trách nhiệm

Về những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến nội dung thanh tra được nêu trong **Kết luận** này, trách nhiệm trước hết thuộc về Chủ tịch UBND xã do thiếu kiểm tra giám sát, chưa kịp thời phát hiện, chấn chỉnh sai sót, vi phạm của công chức phụ trách công tác giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị được thanh tra, chưa kịp thời thực hiện thao tác nhập hồ sơ, trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.

D. KIẾN NGHỊ

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2022; các quy định pháp luật có liên quan; xét tính chất và mức độ sai phạm, Chánh Thanh tra huyện kiến nghị Chủ tịch UBND huyện có văn bản chỉ đạo thực hiện kết luận thanh tra như sau:

1. Đề nghị Thủ trưởng các ngành: KT-HT, TC-KH và Chủ tịch UBND các xã: Đức Chánh, Đức Nhuận triển khai thực hiện các nội dung sau:

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật trong việc thực hiện công tác cải cách hành chính, giải quyết TTHC, cung cấp DVHCC, đảm bảo việc giải quyết TTHC, cung cấp DVHCC công khai, minh bạch, kịp thời, đúng quy định.

- Tiếp tục kiện toàn, phân công cán bộ, công chức tại Bộ phận một cửa, đảm bảo cán bộ, công chức được phân công có năng lực, trình độ ngang tầm với nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác rà soát các TTHC nhằm kịp thời phát hiện kiến nghị bổ sung, sửa đổi, thay thế các TTHC không còn phù hợp với tình hình thực tế, nhằm kịp thời giải quyết hồ sơ đúng hạn cho tổ chức và cá nhân.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm trong thi hành và thực hiện công vụ, không để xảy ra tiêu cực, sách nhiễu, tham nhũng vặt.

- Thường xuyên tuyên truyền cho tổ chức, người dân nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các thiết bị thông minh, nhằm tăng tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến.

- Tiếp tục thực hiện tốt việc số hóa hồ sơ, đảm bảo theo Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác định điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Xử lý trách nhiệm

Yêu cầu Chủ tịch UBND xã Đức Nhuận, Chủ tịch UBND xã Đức Chánh tổ chức họp kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân người đứng đầu và công chức được giao nhiệm vụ thực hiện công vụ về những thiếu sót, tồn tại, vi phạm được nêu trong Kết luận này; báo cáo kết quả cho UBND huyện (qua phòng Nội vụ huyện và Thanh tra huyện) để xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Yêu cầu Chủ tịch UBND xã Đức Nhuận, Chủ tịch UBND xã Đức Chánh tổ chức rà soát, có kế hoạch khắc phục đối với những nội dung sai sót, tồn tại đã nêu tại **phần B của Kết luận** này; tổ chức niêm yết công khai Kết luận này tại Trụ sở làm việc trong 15 ngày làm việc.

4. Sau 30 ngày kể từ ngày nhận được Kết luận thanh tra; Chủ tịch UBND xã Đức Nhuận, xã Đức Chánh và các cơ quan có liên quan phải báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị trong Kết luận cho Thanh tra huyện, để tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND huyện biết, chỉ đạo.

5. Giao Thanh tra huyện theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kết luận thanh tra theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2022, Chánh Thanh tra huyện kính trình Chủ tịch UBND huyện xem xét, xử lý kiến nghị và chỉ đạo tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Quảng Ngãi
- Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi
- Thường trực Huyện ủy
- Thường trực HĐND huyện
- Chủ tịch UBND huyện
- Các ngành: TC-KH, KT&HT huyện;
- UBND các xã: Đức Nhuận, Đức Chánh;
- Lưu: VT, HS Đoàn thanh tra.

CHÁNH THANH TRA

Nguyễn Đức Tươi